

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh
doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng*

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Trang

Giảng viên hướng dẫn : CN.GVC. Bùi Thị Chung

HẢI PHÒNG - 2011

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN MAI HƯNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Nguyễn Thị Trang

Giảng viên hướng dẫn : CN.GVC. Bùi Thị Chung

HẢI PHÒNG - 2011

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh
doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng*

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Trang

Mã SV: 110406

Lớp: QT 1105K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết
quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Khái quát hoá được những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - Phản ánh được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng.
 - Đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng, trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Số liệu, chứng từ, sổ sách năm 2010.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
Chương I: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	3
1.1.2. Một số khái niệm cơ bản	3
1.1.2.1. Doanh thu	3
1.1.2.1.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4
1.1.2.1.2. Doanh thu tiêu thụ nội bộ.....	5
1.1.2.1.3. Doanh thu hoạt động tài chính	5
1.1.2.1.4. Thu nhập khác	6
1.1.2.1.5. Các khoản giảm trừ doanh thu	6
1.1.2.2. Chi phí.....	7
1.1.2.2.1. Giá vốn hàng bán	7
1.1.2.2.2. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	8
1.1.2.2.3. Chi phí hoạt động tài chính	10
1.1.2.2.4. Chi phí khác	10
1.1.2.2.5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	10
1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh.....	11
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	11
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	13
1.2.1. Tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	13
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng	13
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng	13

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán	15
1.2.2. Tổ chức công tác kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	16
1.2.2.1. Chứng từ sử dụng.....	16
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng	16
1.2.2.3. Phương pháp hạch toán	18
1.2.3. Tổ chức công tác kế toán giá vốn hàng bán	19
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng.....	19
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng	19
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán	22
1.2.4. Tổ chức công tác kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	23
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng.....	23
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng	24
1.2.4.3. Phương pháp hạch toán	25
1.2.5. Tổ chức công tác kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.....	27
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng.....	27
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng	27
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán	29
1.2.6. Tổ chức công tác kế toán thu nhập khác và chi phí khác	29
1.2.6.1. Chứng từ sử dụng.....	29
1.2.6.2. Tài khoản sử dụng	29
1.2.6.3. Phương pháp hạch toán	30
1.2.7. Tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh	31
1.2.7.1. Chứng từ sử dụng.....	31
1.2.7.2. Tài khoản sử dụng	31
1.2.7.3. Phương pháp hạch toán	32
Chương II: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng	34
2.1. Khái quát chung về doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng	34

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của doanh nghiệp	34
2.1.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của doanh nghiệp	35
2.1.3. Đặc điểm tổ chức kế toán tại DNTN Mai Hưng	36
2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán	36
2.1.3.2. Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán.....	38
2.1.3.3. Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán	38
2.1.3.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán	38
2.1.3.5. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán.....	40
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng.....	40
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại DNTN Mai Hưng..	40
2.2.1.1. Đặc điểm quá trình tiêu thụ tại doanh nghiệp	40
2.2.1.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng	41
2.2.1.3. Quy trình hạch toán.....	41
2.2.1.4. Ví dụ minh họa.....	42
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại DNTN Mai Hưng	49
2.2.2.1. Nội dung của giá vốn hàng bán tại doanh nghiệp.....	49
2.2.2.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng	49
2.2.2.3. Quy trình hạch toán.....	49
2.2.2.4. Ví dụ minh họa.....	50
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại DNTN Mai Hưng.....	53
2.2.3.1. Nội dung của chi phí quản lý kinh doanh tại DN	53
2.2.3.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng	53
2.2.3.3. Quy trình hạch toán.....	53
2.2.3.4. Ví dụ minh họa.....	54
2.2.4. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.....	58
2.2.4.1. Nội dung của doanh thu HĐTC và chi phí TC tại DN	58
2.2.4.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng	58
2.2.4.3. Quy trình hạch toán.....	58

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh
doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng***

2.2.4.4. Ví dụ minh họa.....	59
2.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	66
2.2.5.1. Nội dung của kế toán chi phí thuế TNDN tại doanh nghiệp.....	66
2.2.5.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng	66
2.2.5.3. Quy trình hạch toán.....	66
2.2.5.4. Ví dụ minh họa.....	67
2.2.6. Kế toán xác định KQKD tại DNTN Mai Hưng	70
2.2.6.1. Nội dung của xác định kết quả kinh doanh tại DN.....	70
2.2.6.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng	70
2.2.6.3. Quy trình hạch toán.....	70
2.2.6.4. Ví dụ minh họa.....	71
Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại DNTN Mai Hưng	79
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp	79
3.1.1. Đánh giá chung.....	79
3.1.2. Ưu điểm.....	79
3.1.3. Hạn chế.....	80
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại DNTN Mai Hưng.....	81
3.2.1. Sự cần thiết và nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại DNTN Mai Hưng.....	81
3.2.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại DNTN Mai Hưng.....	83
3.2.2.1. Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán tại DNTN Mai Hưng	83
3.2.2.2. Một số kiến nghị khác	90
KẾT LUẬN.	91
Danh mục tài liệu tham khảo và các từ viết tắt.....	92
Danh mục sơ đồ và bảng biểu	93

LỜI NÓI ĐẦU

Trong những năm gần đây, nước ta đang trên đà phát triển, nền kinh tế đã và đang có sự chuyển biến một cách rõ rệt, rất nhiều những công ty lớn nhỏ được thành lập với nhiều hình thức khác nhau. Bên cạnh đó các doanh nghiệp cũng phải đối mặt với những thử thách trong cuộc cạnh tranh để tồn tại và phát triển. Vì vậy, vấn đề đặt ra trong sản xuất kinh doanh là làm thế nào để có được lợi nhuận cao nhất nhưng chi phí bỏ ra thấp nhất. Doanh nghiệp có thể tồn tại, phát triển mạnh mẽ và đứng vững trong nền kinh tế thị trường ngoài việc có sự lãnh đạo giỏi của những người đứng đầu doanh nghiệp thì bên cạnh đó công tác kế toán có vai trò hết sức quan trọng. Với tư cách là công cụ quản lý kinh tế, tài chính kế toán gắn liền với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, gắn liền với thị trường trong và ngoài nước, có ích cho các quyết định kinh tế nên việc đào tạo, bồi dưỡng những kế toán viên đã và đang được coi trọng. Do nhận thức được vấn đề trên, em quyết định chọn đề tài “ **Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng**” làm khoá luận tốt nghiệp.

Nội dung của khoá luận ngoài phần mở đầu và kết luận được chia làm 3 chương như sau:

_ **Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

_ **Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng.**

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

_ Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng.

Với sự hiểu biết và kinh nghiệm còn hạn chế, bài viết này không thể tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô giáo để bài viết được hoàn thiện hơn.

Nhân đây, em xin chân thành cảm ơn cô giáo hướng dẫn Bùi Thị Chung, các thầy cô trong khoa quản trị kinh doanh trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng, ban Giám Đốc và tập thể nhân viên DNTN Mai Hưng đã giúp đỡ em hoàn thành bài viết này.

Hải Phòng, ngày 12 tháng 05 năm 2011

Sinh viên

Nguyễn Thị Trang.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Trong hoạt động kinh doanh, để tạo ra sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ...doanh nghiệp phải dùng tiền mua sắm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ... để tiến hành sản xuất tạo ra các sản phẩm, tiến hành tiêu thụ và tạo nên doanh thu cho doanh nghiệp. Ngoài phần doanh thu do tiêu thụ các sản phẩm mà doanh nghiệp sản xuất ra, còn có khoản doanh thu tài chính do hoạt động tài chính và doanh thu khác do các hoạt động khác mang lại.

Do vậy, doanh thu của doanh nghiệp có vai trò rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết, doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo chi trả các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng ; là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước như nộp các khoản thuế theo quy định. Ngoài ra, doanh thu còn là nguồn có thể tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, tham gia liên kết với các đơn vị khác. Trong trường hợp doanh thu không đủ đảm bảo cho các khoản chi phí đã bỏ ra, doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về tài chính, Tình trạng này nếu bị kéo dài sẽ làm cho doanh nghiệp không đủ sức cạnh tranh trên thị trường, tất yếu sẽ đi đến phá sản.

1.1.2. Một số khái niệm cơ bản.

1.1.2.1. Doanh thu.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14, doanh thu được hiểu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

1.1.2.1.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Việc xác định và ghi nhận doanh thu phải tuân thủ các quy định trong chuẩn mực kế toán số 14 và các chuẩn mực khác có liên quan.

✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 5 điều kiện:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm, hàng hoá như người sở hữu sản phẩm, hàng hoá hoặc quyền kiểm soát sản phẩm, hàng hoá.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

✓ Thời điểm ghi nhận doanh thu được quy định:

- Bán hàng theo phương thức gửi đi bán:

Phương thức gửi đi bán bao gồm: gửi bán theo hợp đồng; bán hàng qua đại lý; đơn vị nhận ký gửi. Theo phương thức này, doanh nghiệp xuất kho thành phẩm, hàng hoá gửi đi bán cho đơn vị nhận hàng theo hợp đồng ký kết giữa hai bên. Khi hàng xuất kho gửi đi bán thì chưa được xác định là tiêu thụ. Khi doanh nghiệp đã nhận được tiền bán hàng hoặc chứng từ chấp nhận thanh toán của đại lý và đơn vị nhận hàng thì số hàng đó mới chính thức coi là tiêu thụ và doanh nghiệp có quyền ghi nhận doanh thu.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

- Bán hàng theo phương thức trực tiếp:

Theo phương thức này, sau khi người mua đã kiểm tra và chấp nhận số lượng cũng như chất lượng của hàng hoá, sản phẩm cần mua thì căn cứ vào hợp đồng mua bán đã được ký kết, sau khi người mua nhận được hàng, người bán giao hoá đơn bán hàng thì số hàng đó được xác định là tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

- Bán hàng theo phương thức giao thẳng:

Theo phương thức này, doanh nghiệp mua hàng và nhận hàng của người cung cấp rồi giao thẳng cho khách hàng mà không qua nhập kho của doanh nghiệp. Khi đó, nghiệp vụ mua-bán xảy ra đồng thời. Khi doanh nghiệp đã nhận được tiền bán hàng hoặc chứng từ chấp nhận thanh toán của người mua thì doanh nghiệp có quyền ghi nhận doanh thu. Phương thức này chủ yếu áp dụng ở các doanh nghiệp thương mại.

- Bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp:

Theo phương thức này, khi bán hàng doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay, khách hàng được chậm trả tiền hàng và phải chịu phần lãi chậm trả theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng mua bán hàng. Phần lãi chậm trả được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả tiền một lần, không bao gồm tiền lãi về trả chậm, trả góp.

1.1.2.1.2. Doanh thu tiêu thụ nội bộ.

Doanh thu tiêu thụ nội bộ là những khoản thu do bán hàng và cung cấp dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp, đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới.

1.1.2.1.3. Doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi cho vay; lãi tiền gửi; lãi bán hàng trả chậm, trả góp; lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu; chiết khấu thanh toán được hưởng khi mua hàng hoá dịch vụ; lãi cho thuê tài chính; thu nhập từ cho

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản; cổ tức, lợi nhuận được chia khi góp vốn liên doanh; thu nhập từ hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; thu nhập từ chuyên nhượng hay cho thuê cơ sở hạ tầng; thu nhập về các hoạt động đầu tư khác; chênh lệch lãi do bán ngoại tệ; khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ...

1.1.2.1.4. Thu nhập khác.

Thu nhập khác bao gồm: thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định; thu tiền do khách hàng vi phạm hợp đồng kinh tế; thu các khoản nợ khó đòi đã qua xử lý xoá sổ; các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại; thu nhập từ các khoản phải trả không xác định được chủ; các khoản thu nhập khác...

1.1.2.1.5. Các khoản giảm trừ doanh thu.

***) Chiết khấu thương mại:**

Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng của từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lưu trữ mà khách hàng đã mua trong một khoảng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

***) Giảm giá hàng bán:**

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hoặc một phần hàng hoá đã được coi là tiêu thụ nhưng kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

***) Hàng bán bị trả lại:**

Doanh thu hàng bán bị trả lại là doanh thu của hàng bán đã xác định là tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán vì các nguyên nhân sau: vi phạm cam kết; vi phạm hợp đồng kinh tế; hàng bị mất; kém phẩm chất, không đúng chủng loại quy cách... Khi doanh nghiệp ghi nhận doanh thu hàng bán bị trả lại sẽ đồng thời ghi nhận giảm tương ứng giá vốn hàng bán trong kỳ.

***) Các loại thuế làm giảm trừ doanh thu :**

- Thuế tiêu thụ đặc biệt được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp các loại sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất (hoặc các loại dịch vụ) thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt cho khách hàng.

- Thuế xuất khẩu được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp có hàng hoá được phép xuất khẩu qua cửa khẩu hay biên giới. Doanh nghiệp phải có nghĩa vụ nộp thuế xuất khẩu. Trong doanh thu của hàng xuất khẩu đã bao gồm số thuế xuất khẩu phải nộp vào ngân sách nhà nước.

- Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp là tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng. Thuế GTGT phải nộp tương ứng với số doanh thu đã xác định trong kỳ báo cáo.

Doanh thu thuần được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu về hoặc sẽ thu sau trừ đi các khoản làm giảm trừ doanh thu.

1.1.2.2. Chi phí.

Chi phí là các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác...mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Chi phí bao gồm các khoản:

1.1.2.2.1. Giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hoá (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

1.1.2.2.2. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

***) Chi phí bán hàng:**

Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng: phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm hàng hoá... Bao gồm tiền lương, tiền ăn giữa ca, tiền công và các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn...

- Chi phí vật liệu bao bì: phản ánh các khoản chi phí vật liệu bao bì xuất dùng cho việc giữ gìn, tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ... như chi phí vật liệu đóng gói sản phẩm, hàng hoá; chi phí vật liệu, nhiên liệu dùng cho bảo quản, bốc vác, vận chuyển sản phẩm trong quá trình tiêu thụ; chi phí vật liệu dùng cho sửa chữa, bảo quản tài sản cố định... dùng cho bộ phận bán hàng.

- Chi phí dụng cụ, đồ dùng: phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá như: dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc...

- Chi phí khấu hao tài sản cố định: phản ánh chi phí khấu hao tài sản cố định ở bộ phận bảo quản, bán hàng như: nhà kho, cửa hàng, bến bãi, phương tiện vận chuyển, bốc dỡ, phương tiện tính toán, đo lường, kiểm nghiệm chất lượng...

- Chi phí bảo hành sản phẩm: phản ánh các khoản chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá. Riêng chi phí sửa chữa, bảo hành công trình xây lắp được phản ánh vào chi phí sản xuất chung, không phản ánh vào chi phí bán hàng.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng như: chi phí thuê ngoài sửa chữa tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho khâu bán hàng, tiền thuê kho, thuê bãi, tiền thuê bốc dỡ, vận chuyển sản phẩm, hàng hoá đi bán, tiền trả hoa hồng cho đại lý bán hàng, cho đơn vị nhận uỷ thác xuất khẩu...

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

- Chi phí bằng tiền khác: phản ánh các chi phí bằng tiền khác phát sinh trong khâu bán hàng ngoài các chi phí đã nêu như trên, như: chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, chi phí giới thiệu sản phẩm, hàng hoá, quảng cáo, chào hàng, chi phí hội nghị khách hàng...

***) Chi phí quản lý doanh nghiệp.**

Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý: phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp như tiền lương, các khoản phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của Ban giám đốc, nhân viên quản lý ở các phòng ban của doanh nghiệp.

- Chi phí vật liệu quản lý: phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý quản lý doanh nghiệp như: văn phòng phẩm, vật liệu sử dụng cho việc sửa chữa tài sản cố định, công cụ, dụng cụ...(giá có thuế hoặc chưa có thuế GTGT).

- Chi phí đồ dùng văn phòng: phản ánh chi phí đồ dùng, dụng cụ văn phòng cho công tác quản lý (giá có thuế hoặc chưa có thuế GTGT)

- Chi phí khấu hao tài sản cố định: phản ánh chi phí khấu hao tài sản cố định dùng trong doanh nghiệp như: nhà cửa làm việc của các phòng ban, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện vận tải, truyền dẫn, máy móc thiết bị quản lý dùng trên văn phòng.

- Thuế, phí và lệ phí: phản ánh chi phí về thuế, phí, lệ phí như: thuế môn bài, tiền thuê đất, và các khoản phí, lệ phí khác.

- Chi phí dự phòng: phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp, các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế... (không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định) được tính theo phương pháp phân bổ dần vào chi phí quản lý doanh nghiệp, tiền thuê tài sản cố định, chi phí trả cho nhà thầu phụ.

- Chi phí bằng tiền khác: phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp, ngoài các chi phí đã nêu trên, như: chi phí hội nghị tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ...

1.1.2.2.3. Chi phí hoạt động tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn; chi phí giao dịch bán chứng khoán; dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

1.1.2.2.4. Chi phí khác.

Chi phí khác bao gồm: chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý nhượng bán; tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; truy nộp thuế; các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán; các khoản chi phí khác...

1.1.2.2.5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá dịch vụ và thu nhập khác.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{TN chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi lỗ từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số tiền chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá vốn hàng bán.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh = lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ + doanh thu hoạt động tài chính - chi phí tài chính – chi phí bán hàng - chi phí quản lý doanh nghiệp.

Lợi nhuận khác là số chênh lệch giữa thu nhập khác với chi phí khác.

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế là tổng số giữa lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận khác.

Lợi nhuận sau thuế TNDN (hay lợi nhuận ròng/ lãi ròng) là phần lợi nhuận sau khi lấy lợi nhuận kế toán trước thuế trừ đi chi phí thuế TNDN.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường: là kết quả từ những hoạt động tạo doanh thu của doanh nghiệp, đó là hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác: là kết quả từ các hoạt động bất thường khác, được tính bằng chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã...đối với từng loại hàng hoá, dịch vụ bán ra.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh.

- Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu hoạt động bất thường.

- Phải theo dõi chi tiết, riêng biệt theo từng loại doanh thu kể cả doanh thu nội bộ nhằm phản ánh kịp thời, chi tiết, đầy đủ kết quả kinh doanh làm căn cứ lập báo cáo tài chính.

- Ghi chép, phản ánh chi tiết, kịp thời, chính xác các khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập các báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

- Phản ánh đầy đủ, kịp thời, chi tiết tình hình tiêu thụ ở tất cả các trạng thái như: hàng đi đường, hàng tồn kho, hàng gửi bán...

- Xác định đúng thời điểm hàng hoá được coi là tiêu thụ để kịp thời lập báo cáo tiêu thụ, phản ánh doanh thu, báo cáo thường xuyên tình hình tiêu thụ và thanh toán chi tiết theo từng loại hàng hoá, từng hợp đồng kinh tế.

- Xác định và tập hợp đầy đủ giá vốn, chi phí bán hàng, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận. Từ đó đưa ra những kiến nghị, biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp cho ban lãnh đạo để có những việc làm cụ thể phù hợp với thị trường.

1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1. Tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng.

- Hoá đơn bán hàng thông thường, hoá đơn GTGT.
- Hợp đồng mua bán.
- Phiếu xuất kho.
- Phiếu thu, Giấy báo Có của ngân hàng.
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng.

***) TK 511 : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 511:

✓ Bên Nợ

- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.
- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

✓ Bên Có

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

TK 511 không có số dư cuối kỳ.

TK 511 có 5 tài khoản cấp 2 :

- + TK 5111 : Doanh thu bán hàng hoá.
- + TK 5112 : Doanh thu bán các thành phẩm.
- + TK 5113 : Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + TK 5114 : Doanh thu trợ cấp trợ giá.
- + TK 5117 : Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.

***) TK 512 : Doanh thu bán hàng nội bộ.**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là số tiền thu được do bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá nội bộ.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 512:

✓ Bên Nợ

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm trừ hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của một số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ.

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp của một số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ nội bộ.

- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

✓ **Bên Có**

- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

TK 512 không có số dư cuối kỳ.

TK 512 có 3 tài khoản cấp 2 :

+ TK 5121 : Doanh thu bán hàng hoá.

+ TK 5122 : Doanh thu bán các thành phẩm.

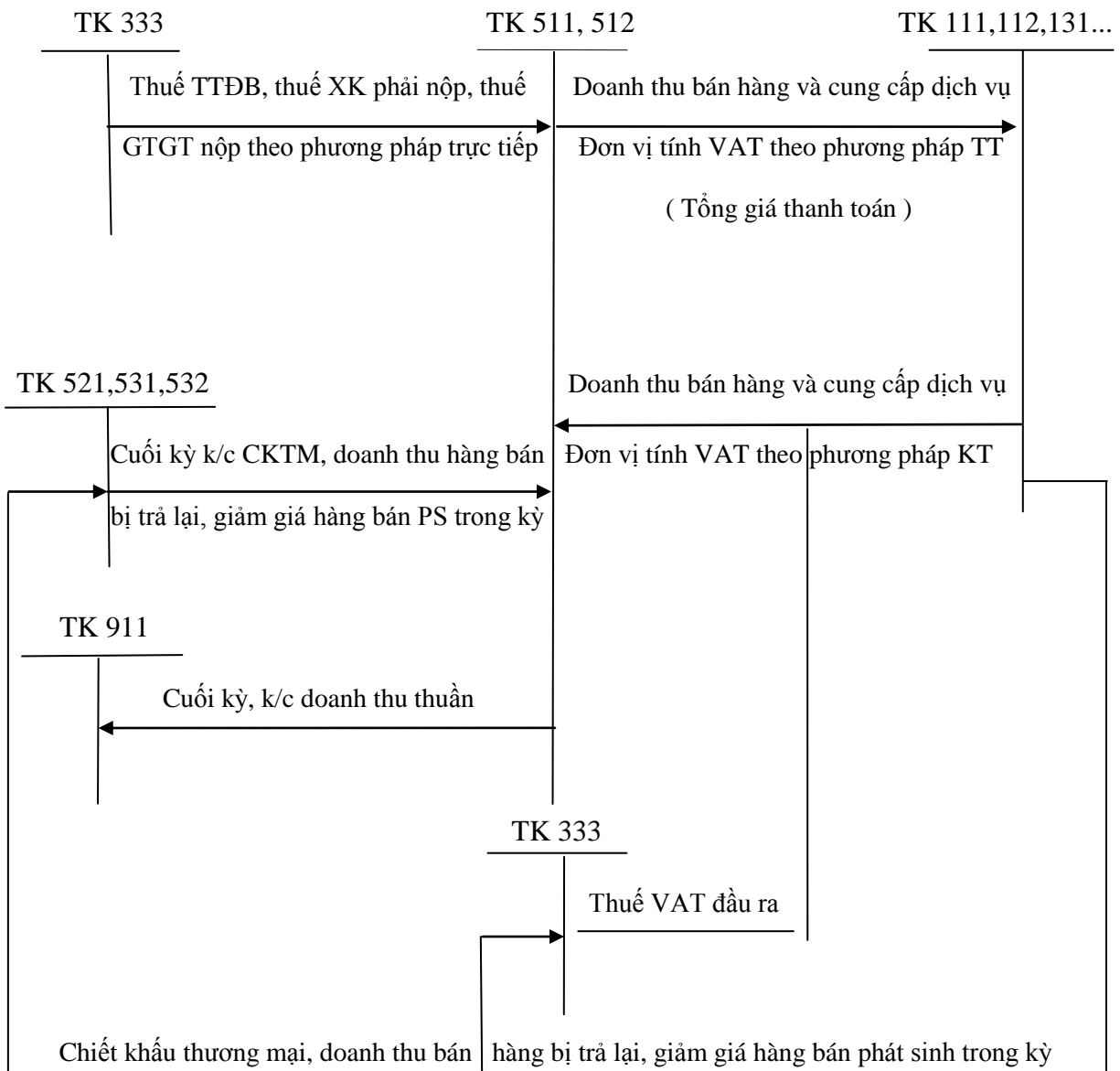
+ TK 5123 : Doanh thu cung cấp dịch vụ.

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán.

Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ được khái quát qua sơ đồ:

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

Sơ đồ 1.1



1.2.2. Tổ chức công tác kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng.

- Hoá đơn GTGT.
- Phiếu chi.
- Giấy báo Nợ.
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

***) TK 521 : Chiết khấu thương mại**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho khách hàng do khách hàng đã mua hàng với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng hóa).

✓ Bên Nợ

Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

✓ Bên Có

Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

***) TK 531 : Hàng bán bị trả lại**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại (tính theo đúng đơn giá ghi trên hóa đơn). Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bán hàng bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào TK 641 "Chi phí bán hàng".

✓ Bên Nợ

Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.

✓ Bên Có

Kết chuyển doanh thu của hàng hóa bị trả lại vào bên nợ TK 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ", hoặc TK 512 "Doanh thu bán hàng nội bộ" để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ.

***) Tài khoản 532 : Giảm giá hàng bán**

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

✓ **Bên Nợ**

Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém chất lượng, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

✓ **Bên Có**

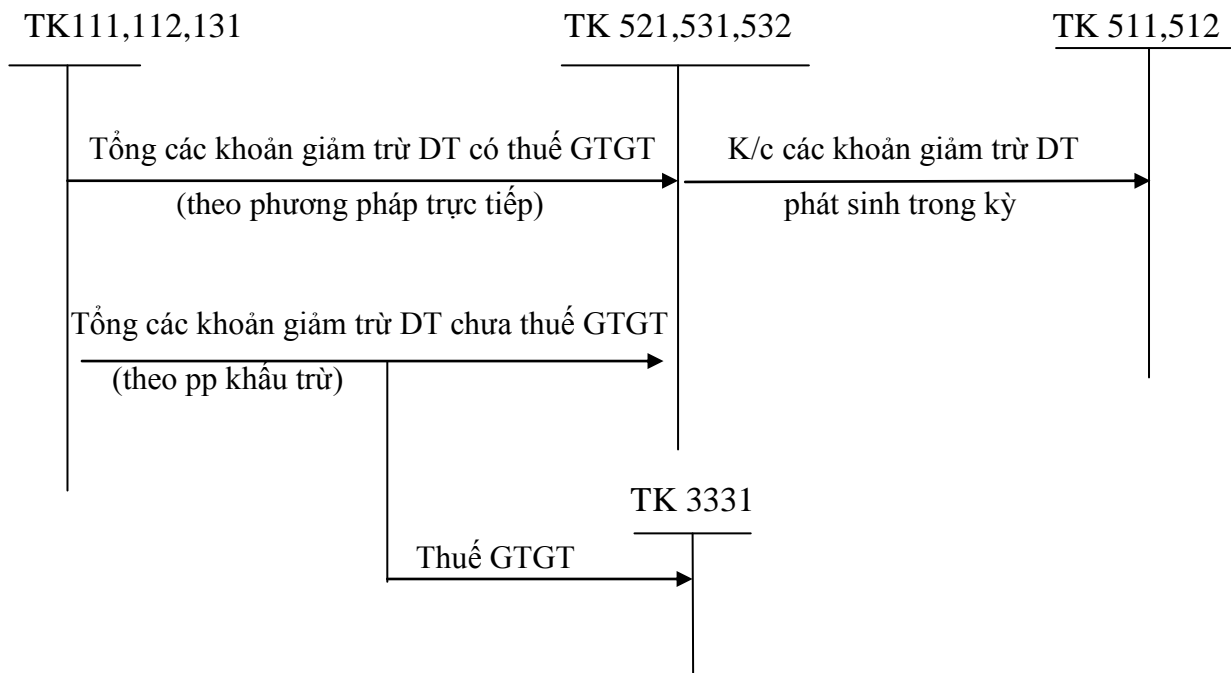
Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang Tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" hoặc Tài khoản 512 "Doanh thu bán hàng nội bộ".

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.

1.2.2.3. Phương pháp hạch toán.

Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát theo sơ đồ:

Sơ đồ 1.2



1.2.3. Tổ chức công tác kế toán giá vốn hàng bán.

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng.

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu xuất kho
- Hợp đồng kinh tế.
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng.

***) Tài khoản 632 : Giá vốn hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư...

Doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên có kết cấu và nội dung phản ánh như sau:

✓ Bên Nợ

- Giá vốn hàng đã bán
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

✓ Bên Có

- Kết chuyển giá vốn của hàng đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

Ngoài ra, kế toán còn sử dụng các TK khác có liên quan như: TK 156, TK611, TK 632 (Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

*) Việc hạch toán hàng tồn kho được áp dụng theo một trong các phương pháp sau:

- Phương pháp tính theo giá đích danh:

Phương pháp này được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được

- Theo phương pháp bình quân gia quyền:

Giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

- Phương pháp nhập trước, xuất trước:

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- Phương pháp nhập sau, xuất trước:

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh
doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng***

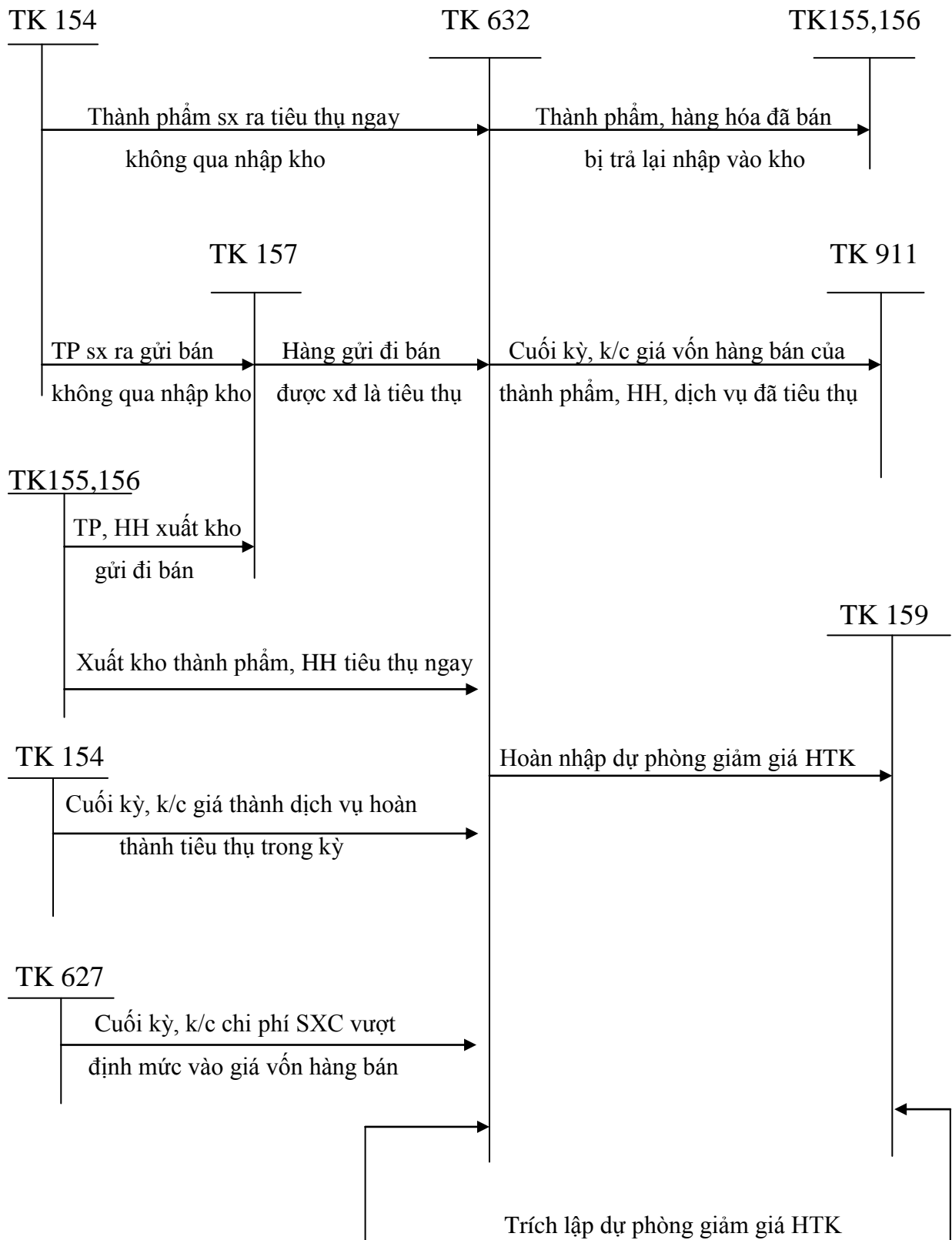
hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán.

*) Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên:

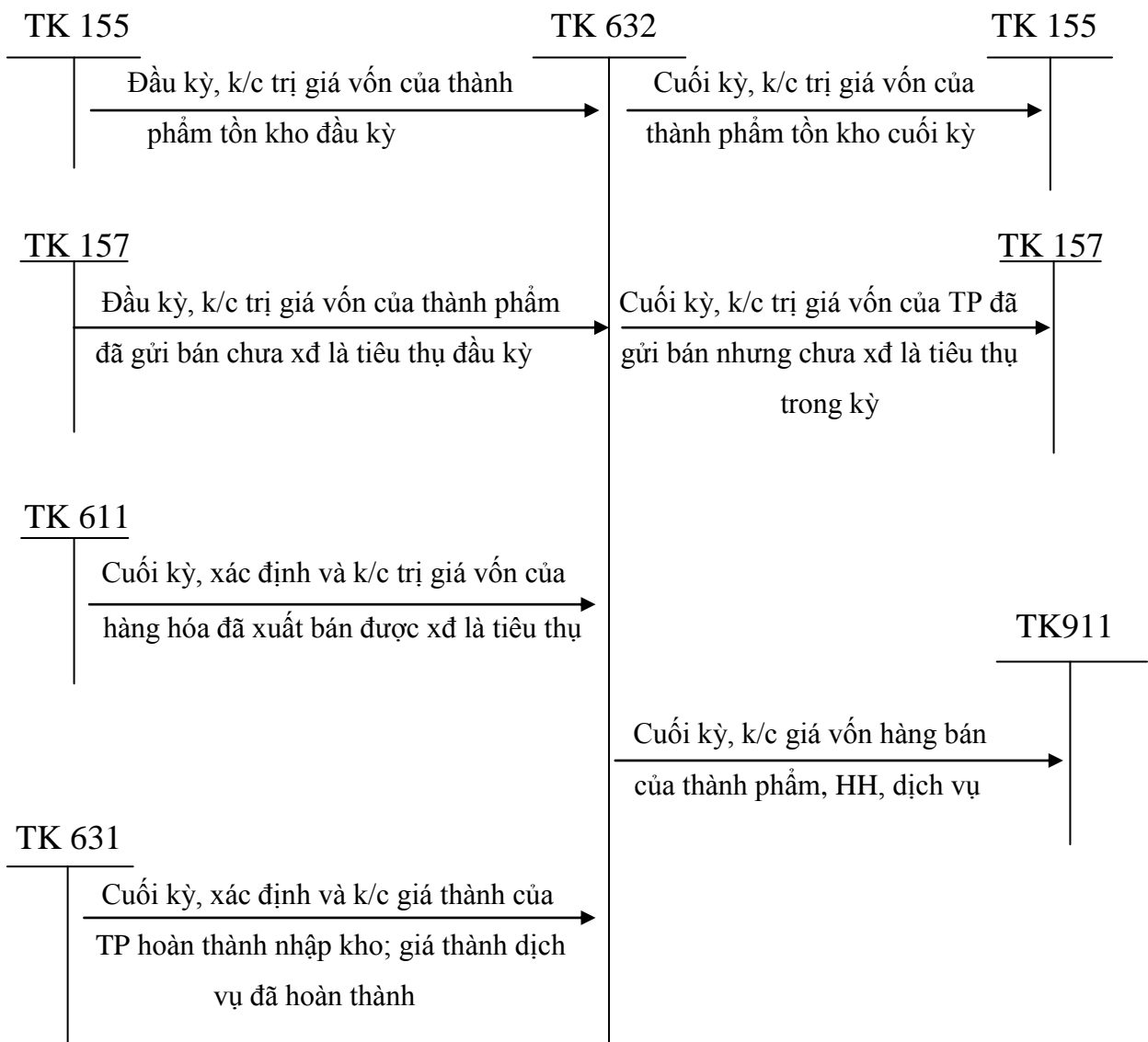
Sơ đồ 1.3



Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

*) Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

Sơ đồ 1.4



1.2.4. Tổ chức công tác kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT.
- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương
- Bảng phân bổ công cụ, dụng cụ
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định.
- Phiếu chi, Giấy báo nợ của ngân hàng...

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng.

***) TK 641 : Chi phí bán hàng.**

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp.

✓ Bên Nợ

Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

✓ Bên Có

Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911 “xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 641 có 7 tài khoản cấp 2:

- TK 6411: Chi phí nhân viên.
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
- TK 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- TK 6415: Chi phí bảo hành.
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6418: Các chi phí khác bằng tiền.

***) TK 642 : Chi phí quản lý doanh nghiệp.**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ hạch toán.

✓ Bên Nợ

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).

✓ Bên Có

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).

- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 642 có 8 tài khoản cấp 2:

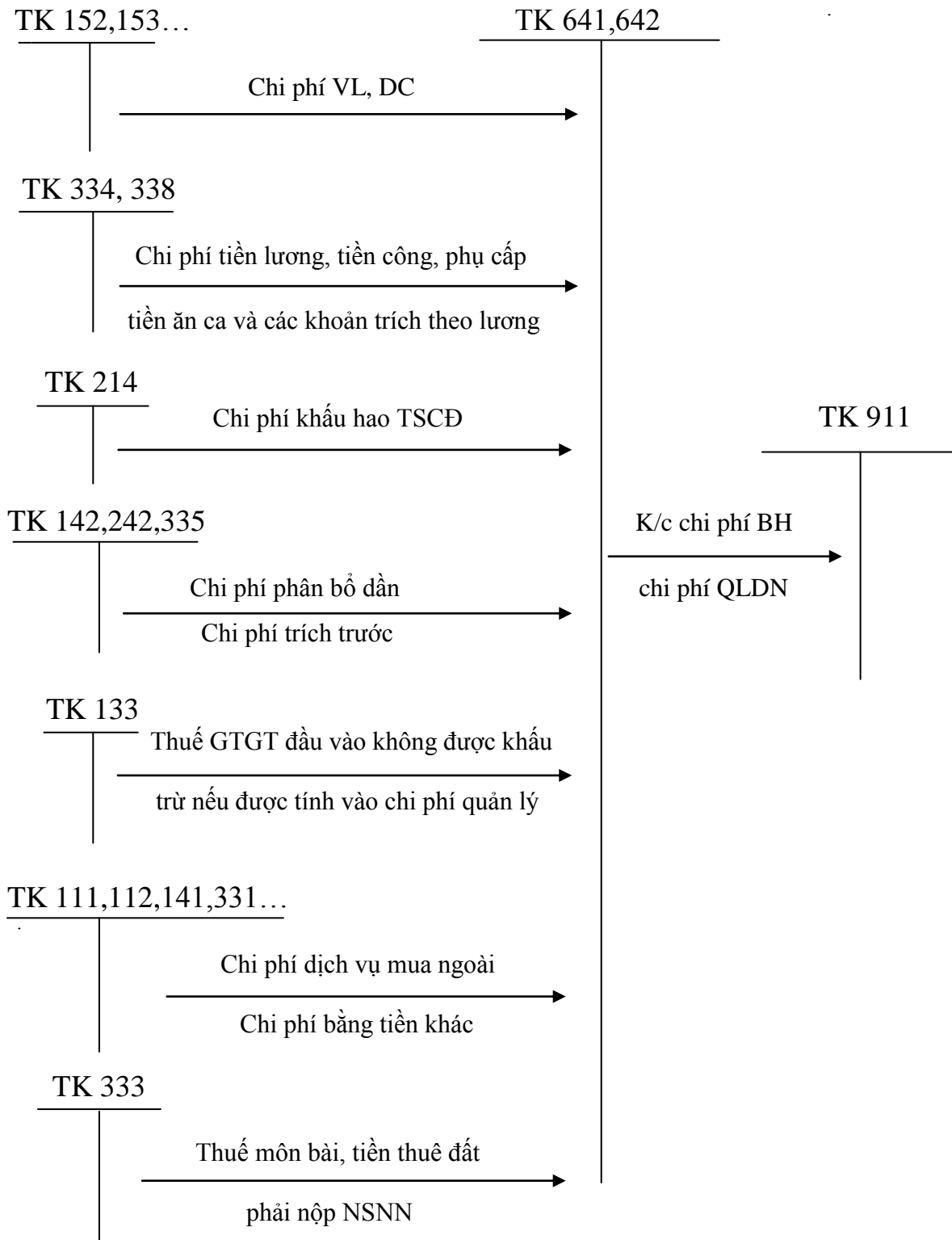
- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý.
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
- TK 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.
- TK 6426: Chi phí dự phòng.
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6428: Chi phí khác bằng tiền.

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán.

Trình tự hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được khái quát qua sơ đồ:

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

Sơ đồ 1.5



1.2.5. Tổ chức công tác kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng.

- Hoá đơn GTGT.
- Phiếu thu, phiếu chi.
- Giấy báo nợ, giấy báo có.
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng.

***) TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính.**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

✓ Bên Nợ

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

✓ Bên Có

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ khi bán ngoại tệ .
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu hoạt động tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

***) TK 635 : Chi phí tài chính.**

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết...; dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ...

✓ Bên Nợ

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.

- Chiết khấu thanh toán cho người mua.

- Lỗ bán ngoại tệ.

- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã được thực hiện).

- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện).

- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).

- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá hối đoái giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.

- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

✓ Bên Có

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải nộp kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

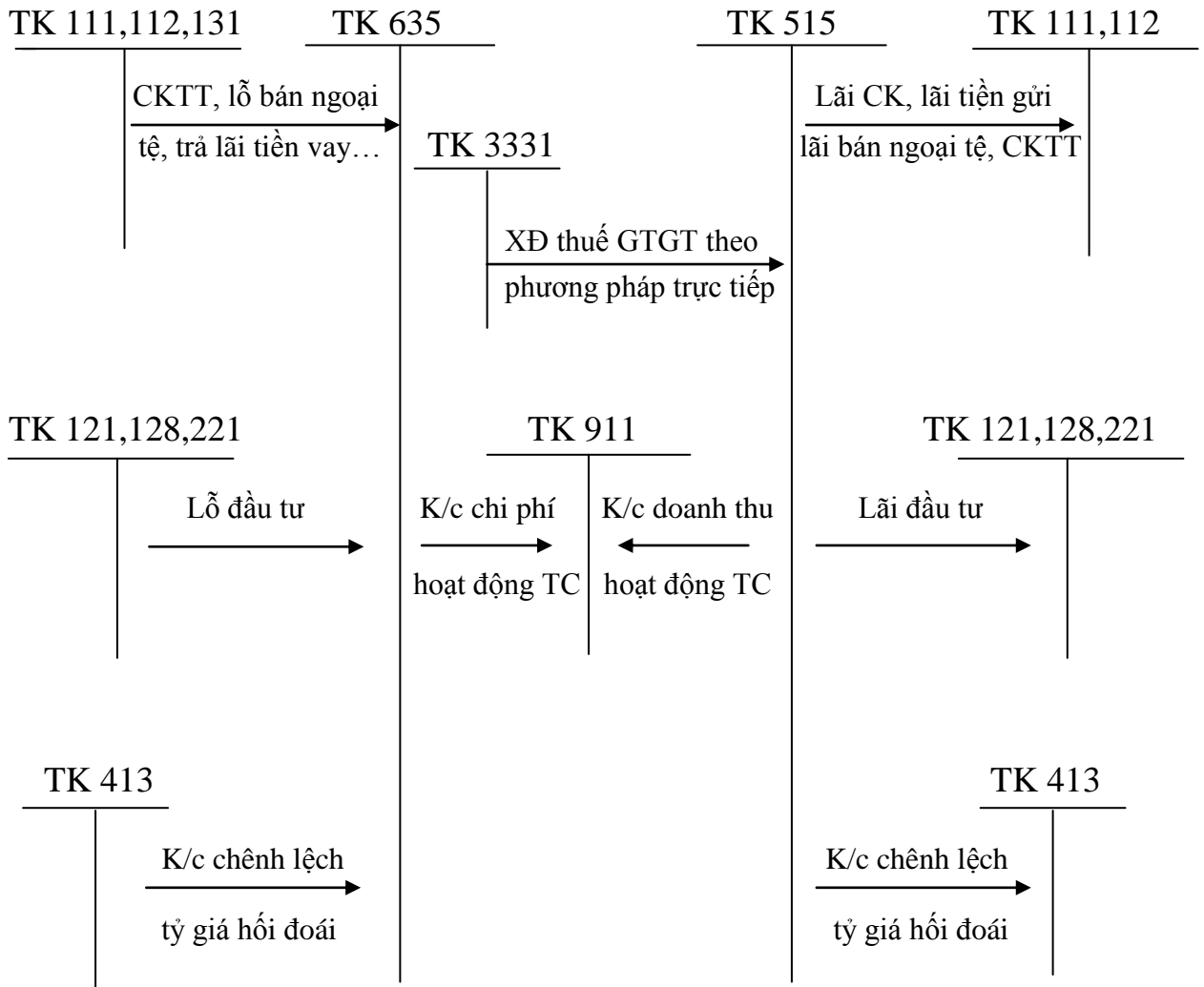
Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán.

Trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được khái quát qua sơ đồ:

Sơ đồ 1.6



1.2.6. Tổ chức công tác kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu thu, phiếu chi.
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định.
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

***) TK 711 : Thu nhập khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

✓ Bên Nợ

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Cuối kỳ, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

✓ Bên Có

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

***) TK 811 : Chi phí khác.**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

✓ Bên Nợ

Các khoản chi phí khác phát sinh.

✓ Bên Có

Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

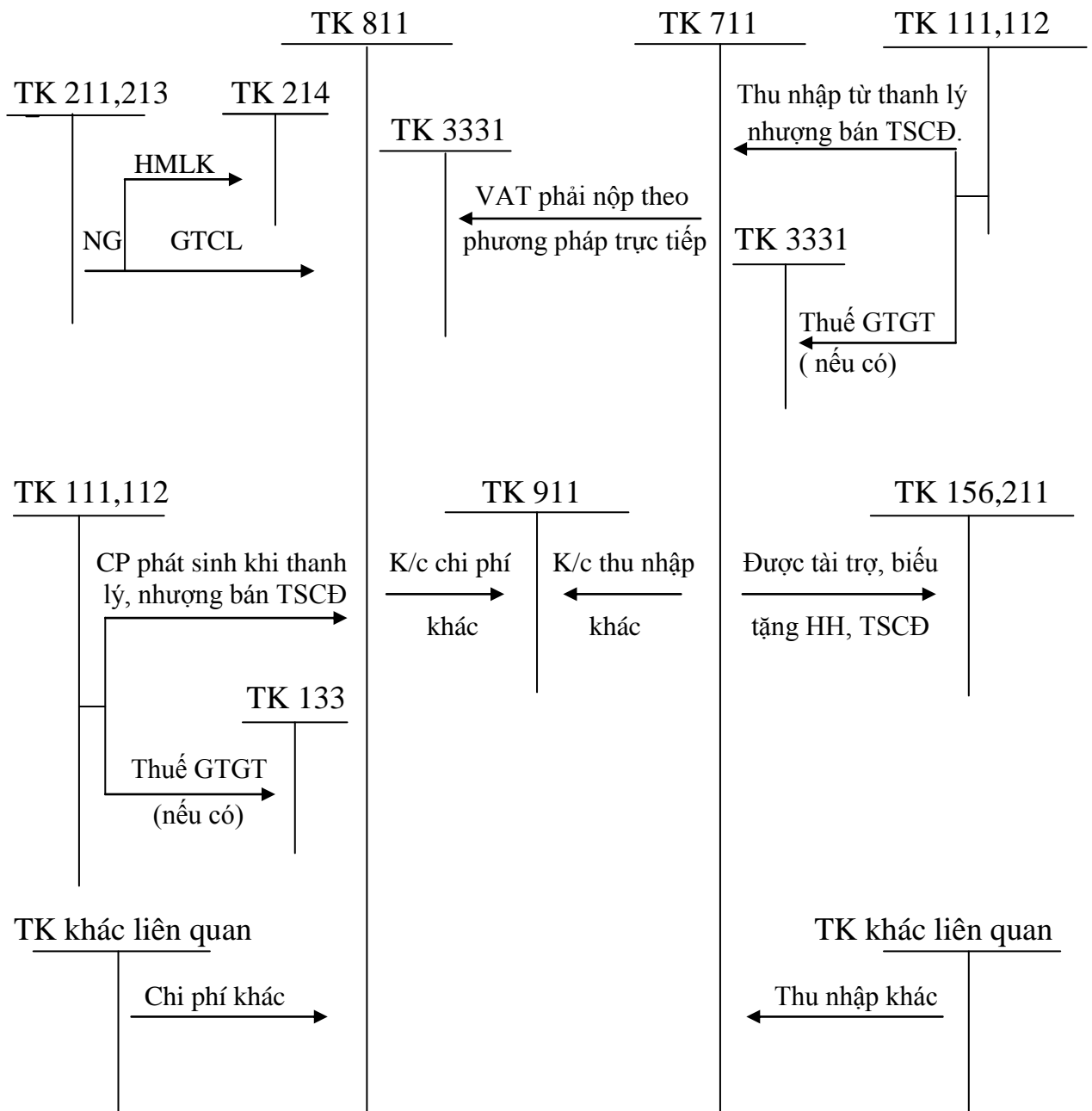
Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán.

Trình tự hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua sơ đồ:

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

Sơ đồ 1.7



1.2.7. Tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh.

1.2.7.1. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu kế toán.

1.2.7.2. Tài khoản sử dụng.

***) TK 911 : Xác định kết quả kinh doanh.**

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

✓ **Bên Nợ**

- Trị giá vốn của sản phẩm, HH, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết chuyển lãi.

✓ **Bên có**

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, HH, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

***) TK 421 : Lợi nhuận chưa phân phối.**

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

***) TK 821 : Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.**

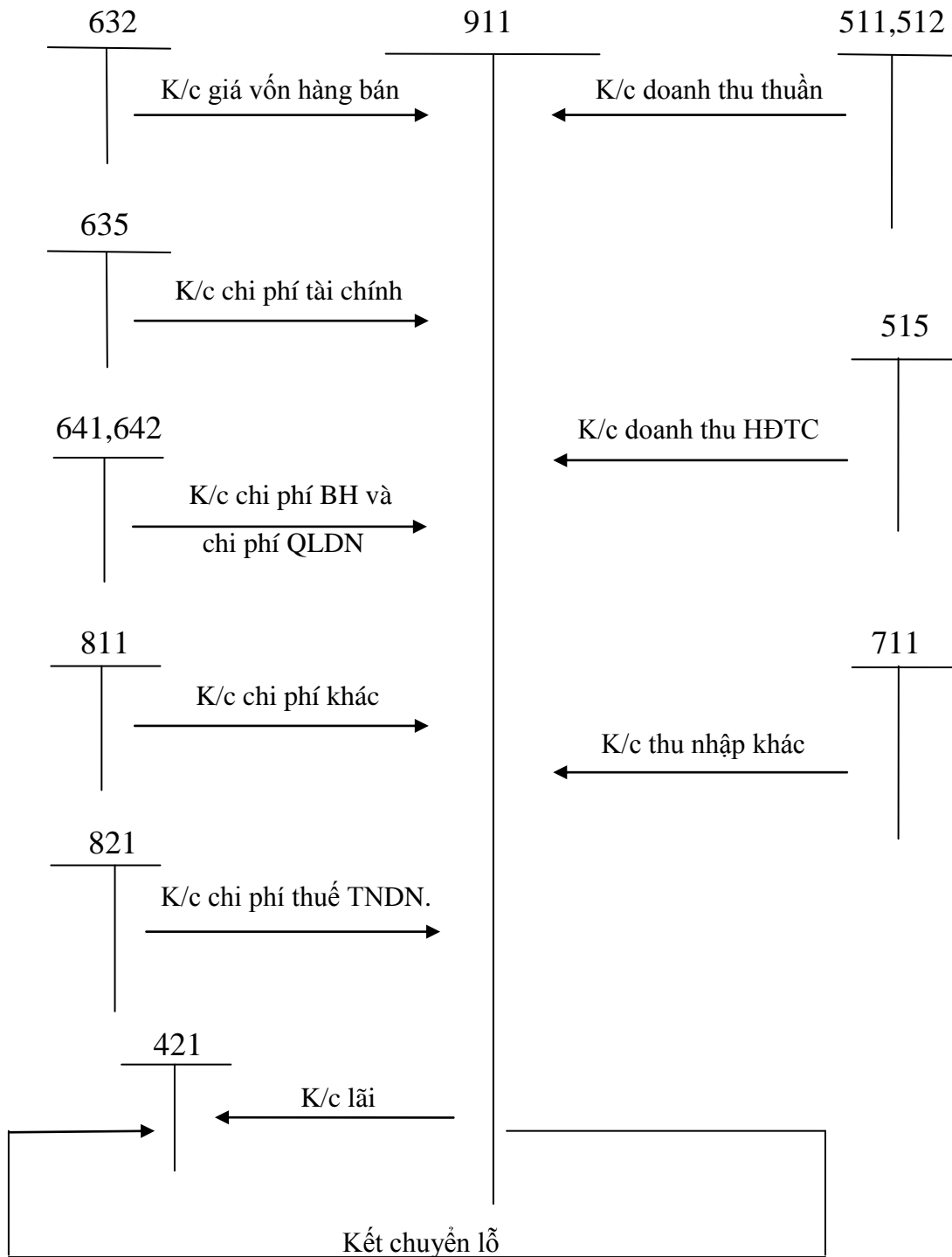
Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm của doanh nghiệp.

1.2.7.3. Phương pháp hạch toán.

Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát theo sơ đồ:

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

Sơ đồ 1.8



CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN MAI HƯNG

2.1. Khái quát chung về doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của doanh nghiệp.

Trong công cuộc đổi mới toàn diện nền kinh tế, nước ta đang trên đà phát triển, hệ thống các công ty cổ phần, công ty TNHH, các doanh nghiệp tư nhân... được thành lập. Nắm bắt được lợi thế vị trí địa lý và nhu cầu của thị trường, với nguồn vốn sẵn có của mình, doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng được thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 12 tháng 04 năm 2006 theo giấy phép kinh doanh số 0201000798 do sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Tên giao dịch: **Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng.**

Trụ sở chính: Số 681-phường Tràng Minh-Kiến An-Hải Phòng.

Mã số thuế: 0200453198

Tài khoản: 12210000409988 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV, chi nhánh Hải Phòng.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Sản xuất, gia công và kinh doanh hàng cơ khí.

Với nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng được thành lập và hoạt động với quy mô vừa và nhỏ. Tuy vậy, với đội ngũ công nhân lành nghề, trang thiết bị máy móc hiện đại, thường xuyên được kiểm tra bảo dưỡng, chất lượng sản phẩm luôn được coi trọng và đặt lên hàng đầu...nên doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng đã ngày càng khẳng định được vị trí của mình trên thị trường. Điều đó thể hiện qua việc doanh nghiệp đã phát triển được rất nhiều thị trường và thị phần ở trong nước. Hàng hoá được tiêu thụ cho các doanh nghiệp có tên tuổi như: Công ty cổ phần tập đoàn T&T, Công ty liên doanh chế tạo xe máy Ly Fan

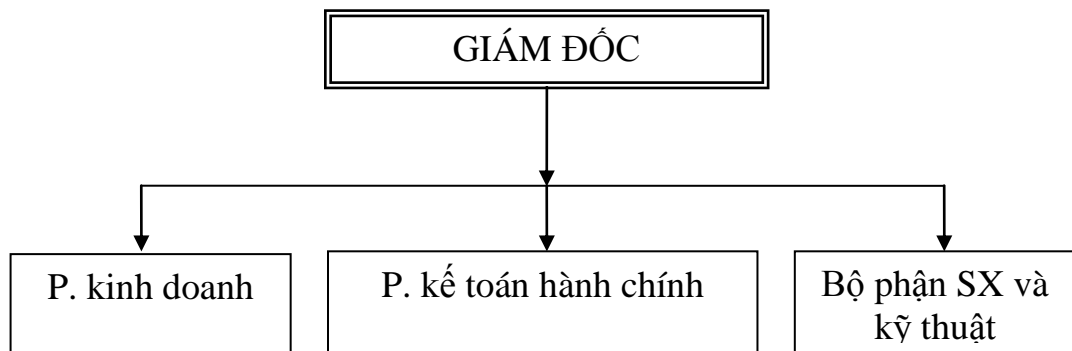
Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

Việt Nam, Nhà máy chế tạo phụ tùng ô tô xe máy DeTech... Với những phương án kinh doanh thích hợp, thương hiệu của doanh nghiệp luôn tồn tại và phát triển.

2.1.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của doanh nghiệp.

Với đặc thù của loại hình doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng đã tổ chức cơ cấu doanh nghiệp theo mô hình nhỏ gọn. Bộ máy quản lý của doanh nghiệp có thể khái quát theo mô hình sau:

Sơ đồ 2.1



- Giám đốc:

Giám đốc là người đứng đầu doanh nghiệp, trực tiếp quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp.

- Phòng kinh doanh:

Giao dịch với khách hàng và nhà cung cấp. Phòng kinh doanh nắm bắt thông tin khách hàng nhằm cung cấp sản phẩm đạt chất lượng, thỏa mãn nhu cầu khách hàng, đồng thời đưa ra các chính sách thanh toán cũng như ưu đãi với khách hàng. Phòng kinh doanh cũng nắm thông tin từ nhà cung cấp để có thể thu mua được những nguyên vật liệu, hàng hóa tốt nhất và giá cả hợp lý. Phòng kinh doanh chịu trách nhiệm báo cáo lên Giám Đốc những kế hoạch đảm bảo nguồn nguyên vật liệu cho các đơn đặt hàng của khách hàng.

- Phòng kế toán hành chính:

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

Phòng kế toán hành chính có nhiệm vụ thu thập số liệu, quản lý và kiểm tra tính chính xác của số liệu, kiểm tra các hoạt động thanh toán, hạch toán nhằm báo cáo kịp thời cho Giám đốc, giúp Giám đốc có những biện pháp kịp thời về tình hình tài chính của doanh nghiệp, về công việc điều hành doanh nghiệp. Đối với công tác hành chính quản trị, phòng thực hiện công tác văn thư, lưu trữ, bảo mật các hồ sơ, giấy tờ, soạn thảo các công văn, tài liệu cũng như chuyển tải các chỉ thị và thông báo của Ban giám đốc đến cán bộ công nhân viên trong toàn doanh nghiệp. Công tác duy tu, sửa chữa lớn TSCĐ, bảo vệ an ninh, trật tự, kỷ luật lao động, phòng cháy chữa cháy... cũng thuộc sự quản lý và điều hành của phòng. Phòng còn có nhiệm vụ tổ chức bộ máy kế toán và thực hiện công tác tài chính thống kê cho doanh nghiệp theo đúng chế độ chính sách, quy định của nhà nước và yêu cầu quản trị nội bộ kiểm tra giám sát các khoản thu, chi tài chính, các nghĩa vụ thu-nộp-thanh toán công nợ, kiểm tra việc quản lý sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản, phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm luật tài chính kế toán.

- Bộ phận sản xuất và kỹ thuật:

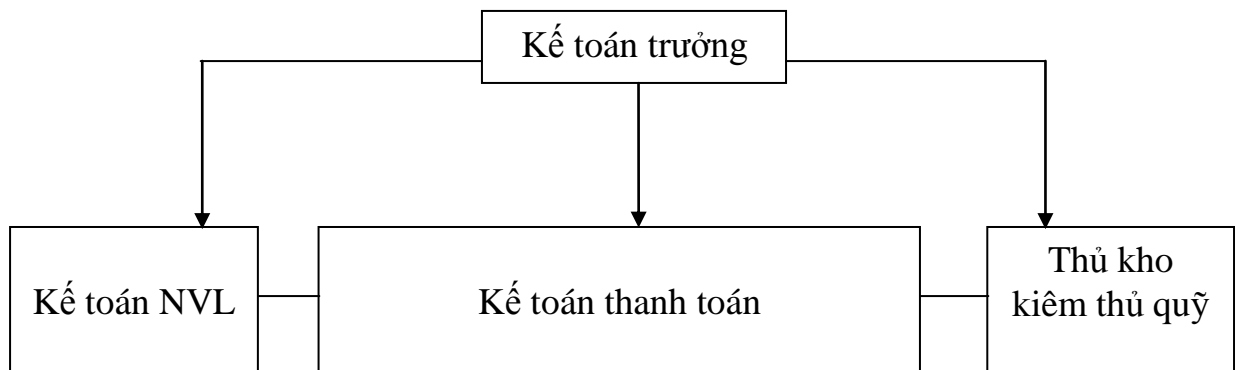
Đảm bảo về số lượng, chất lượng hàng hoá và xuất theo tiêu chuẩn của doanh nghiệp. Chủ động xây dựng kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa cho tất cả các thiết bị của doanh nghiệp, áp dụng khoa học mới nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức kế toán tại DNTN Mai Hưng.

2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán.

Với những đặc điểm trong cơ cấu tổ chức và ngành nghề sản xuất kinh doanh, Mai Hưng đã xây dựng bộ máy kế toán theo sơ đồ nhỏ gọn sau:

Sơ đồ 2.2



- **Kế toán trưởng** : Chịu sự điều hành của Giám đốc, có nhiệm vụ điều hành bộ máy kế toán, thực thi theo đúng chính sách, chế độ, chỉ đạo các hoạt động của các nhân viên kế toán của doanh nghiệp; trực tiếp đảm nhận phần kế toán TSCĐ, kế toán giá thành, lập các báo cáo quyết toán...; thực hiện hướng dẫn kiểm tra về mặt chuyên môn đối với từng bộ phận kế toán.

- **Kế toán NVL** : Theo dõi tình hình nhập - xuất - tồn nguyên vật liệu, kiểm kê, đánh giá lại vật liệu...

- **Kế toán thanh toán** : Theo dõi các khoản công nợ, tạm ứng, thanh toán các khoản nội bộ với khách hàng bằng tiền mặt, TGNH, tiền vay; đồng thời căn cứ vào bảng chấm công đã được phê duyệt, lập bảng thanh toán lương, BHXH, BHYT, KPCĐ vào kinh phí sản xuất kinh doanh theo từng đối tượng, giúp bộ phận kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành đầy đủ, chính xác.

- **Thủ kho kiêm thủ quỹ** : Bảo quản và theo dõi quỹ; thực hiện các công việc thu – chi tiền mặt theo phiếu chi và các nguồn tiền nộp về từ việc bán hàng. Hàng ngày, căn cứ vào các phiếu thu, chi... hợp lệ để xuất hoặc nhập quỹ, ghi sổ quỹ. Mặt khác, căn cứ vào phiếu xuất kho, phiếu nhập kho để nhập - xuất kho, sau đó ghi sổ.

Các thành viên của bộ máy kế toán tuy có nhiệm vụ khác nhau song giữa các bộ phận lại có sự kết hợp chặt chẽ mật thiết trong phạm vi chức năng và nhiệm vụ của mình.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

2.1.3.2. Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán.

Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng tổ chức và vận dụng hệ thống chứng từ kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

2.1.3.3. Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán.

Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng tổ chức và vận dụng hệ thống tài khoản kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

2.1.3.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán.

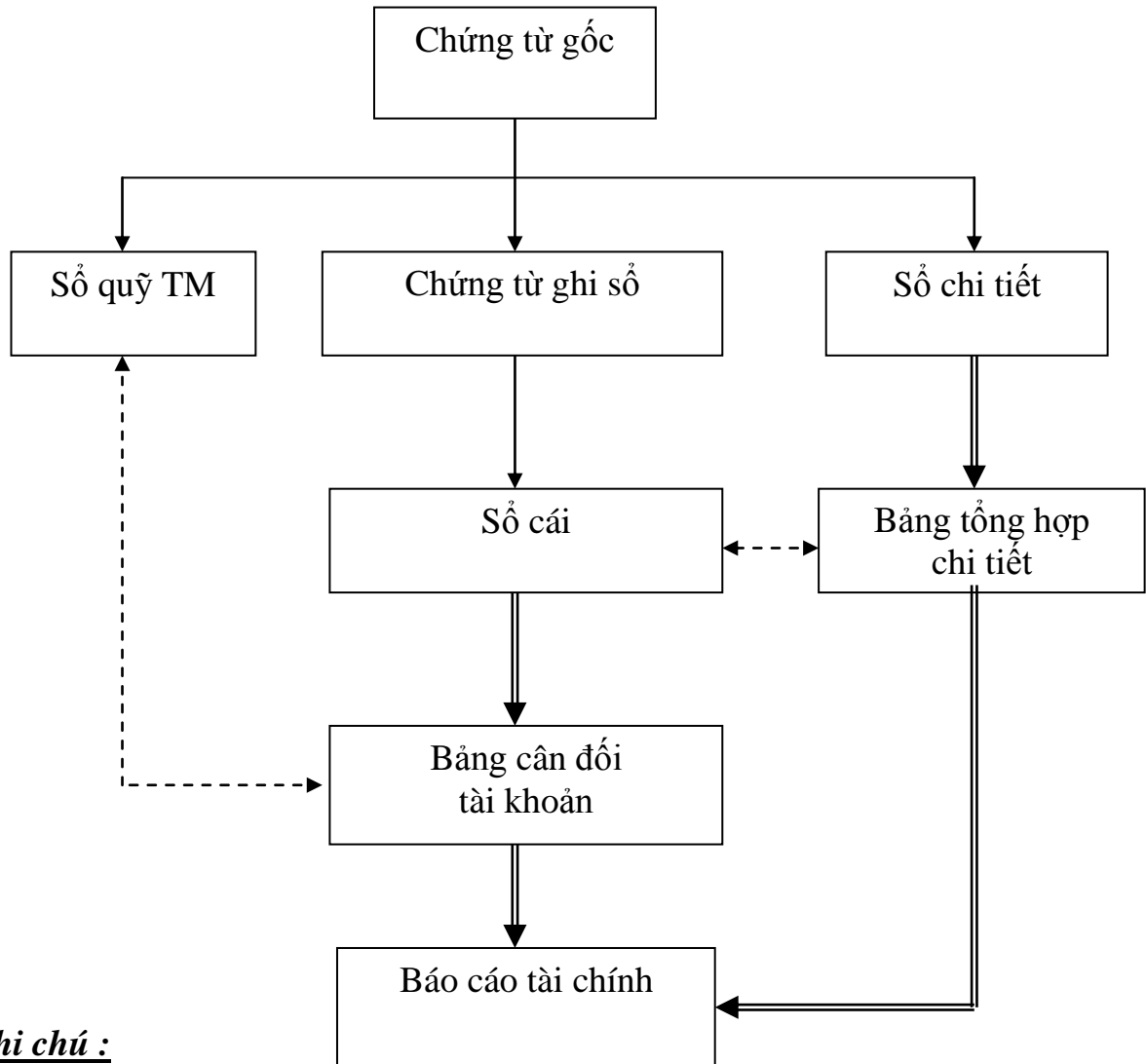
Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng áp dụng hình thức kế toán “Chứng từ ghi sổ”. Đặc trưng cơ bản của hình thức này là tách rời việc ghi sổ kế toán theo trình tự thời gian và hệ thống hoá các nghiệp vụ theo tài khoản.

Doanh nghiệp áp dụng kỳ kế toán năm là 12 tháng, tính từ 01/01 đến hết 31/12 dương lịch hàng năm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức “Chứng từ ghi sổ” của doanh nghiệp được khái quát theo sơ đồ:

Sơ đồ 2.3



Ghi chú :

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi định kỳ (cuối tháng/ quý/ năm)
- ← - - - - - → Đối chiếu, kiểm tra

Theo hình thức này, hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán lập các sổ kế toán chi tiết có liên quan và các chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào CTGS, kế toán sẽ tiến hành ghi vào sổ cái. Cuối năm, căn cứ vào sổ cái để lập bảng cân đối sổ phát sinh.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

Sau khi đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái với bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ sổ kế toán chi tiết) thì sổ cái, bảng cân đối tài khoản và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

2.1.3.5. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán.

Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng bao gồm:

1.	Bảng cân đối kế toán	Mẫu B01 - DNN
2.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Mẫu B02 - DNN
3.	Thuyết minh báo cáo tài chính	Mẫu B09 - DNN
4.	Bảng cân đối tài khoản	Mẫu F01 - DNN

Doanh nghiệp lập báo cáo tài chính theo kỳ kế toán năm là năm dương lịch.

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại DNTN Mai Hưng.

2.2.1.1. Đặc điểm quá trình tiêu thụ tại doanh nghiệp.

- Tiêu thụ là giai đoạn tiếp theo của quá trình sản xuất, là cầu nối giữa sản xuất – phân phối– tiêu dùng sản phẩm. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề tiêu thụ với sự tồn tại và phát triển của mình, doanh nghiệp đã không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Sản phẩm của doanh nghiệp là bộ ghế chân xe máy hoàn chỉnh, khi sản xuất xong được xuất thẳng cho người mua, không qua nhập kho nên doanh nghiệp không sử dụng TK 155.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

- Về khối lượng thành phẩm xuất bán: được thỏa thuận chi tiết với khách hàng khi ký kết hợp đồng kinh tế, làm căn cứ để lên kế hoạch sản xuất, đảm bảo đúng, đủ theo hợp đồng.

- Về giá bán sản phẩm: được khách hàng chấp nhận theo thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế. Giá của sản phẩm vừa đáp ứng khả năng thanh toán của mọi khách hàng, vừa đảm bảo tính cạnh tranh với các đơn vị khác.

- Về phương thức thanh toán: chủ yếu thanh toán bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng. Để tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng, doanh nghiệp cho thanh toán chậm trong thời gian nhất định đã được thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế.

2.2.1.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng.

- Chứng từ sử dụng:

- + Hoá đơn bán hàng (hoá đơn GTGT).
- + Phiếu thu.
- + Giấy báo Có của ngân hàng.
- + Các chứng từ khác có liên quan.

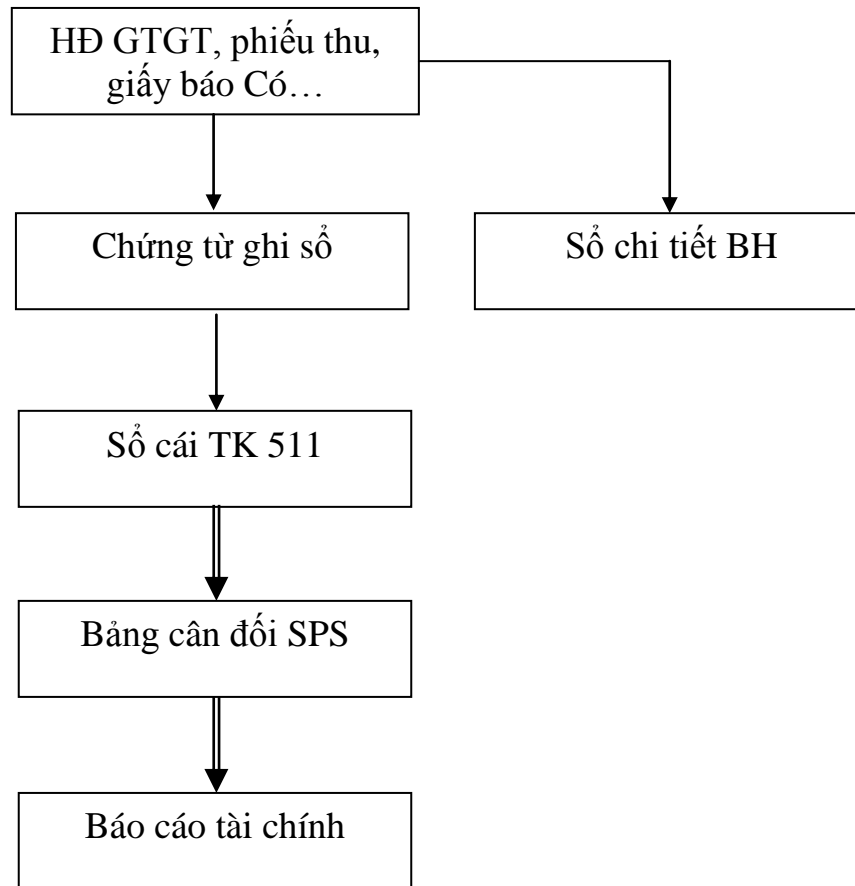
- Tài khoản sử dụng:

- + TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- + TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính.
- + TK 111: Tiền mặt.
- + TK 112: Tiền gửi ngân hàng.
- + TK 131: Phải thu của khách hàng.
- + TK 3331: Thuế GTGT phải nộp.

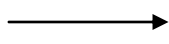
2.2.1.3. Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán doanh thu tại DNTN Mai Hưng được khái quát qua sơ đồ sau:

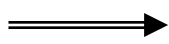
Sơ đồ 2.4



Ghi chú :



Ghi hàng ngày



Ghi định kỳ (cuối tháng/ quý/ năm)

Hàng ngày, căn cứ vào HD GTGT liên 3, kế toán vào sổ chi tiết bán hàng và lập CTGS. Từ CTGS kế toán vào sổ Cái TK 511. Cuối năm kế toán thực hiện khóa sổ để lập Bảng cân đối số phát sinh, căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

2.2.1.4. Ví dụ minh họa.

Ngày 04/12/2010, doanh nghiệp Mai Hưng bán cho Đại lý Hải Anh 200 bộ ghế chân xe máy hoàn chỉnh. Tổng giá bán chưa có thuế GTGT là 10.360.000đ. Đã thu bằng tiền mặt.

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh
doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng***

Căn cứ vào Hoá đơn GTGT (liên 3) ký hiệu GY/2010B số 0065519, kế toán viết phiếu thu. Sau đó, tiến hành ghi vào sổ chi tiết bán hàng và lập CTGS. Từ CTGS, kế toán vào Sổ cái TK 511. Cuối năm kế toán thực hiện khóa sổ để lập Bảng cân đối số phát sinh, căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh
doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng**

Biểu 2.1

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

(Liên 3: Nội bộ)

Ngày 04 tháng 12 năm 2010

Mẫu số: 01/GTKT – 3LLL
GY/2010B
0065519

Đơn vị Bán hàng: Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

Địa chỉ: Số 681, phường Trảng Minh, Kiên An, HP

Số tài khoản: 12210000409988

Điện thoại:

MST: 0200453198

Họ tên người mua hàng: Đại lý Hải Anh

Địa chỉ: Xuân Áng, Trường Sơn, An Lão, HP

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: TM

MST:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
	Bộ để chân	Bộ	200	51.800	10.360.000
Cộng tiền hàng:					10.360.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		1.036.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					11.396.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười một triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng chẵn./.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh
doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng**

Biểu 2.2

Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

Mẫu số 02 - TT

Số 681 – Tràn Minh - Kiến An - Hải Phòng

QĐ 48/2006/QĐ - BTC

PHIẾU THU

Ngày 04 tháng 12 năm 2010

Quyển 04/ 2010

Họ tên người nộp tiền: Anh Cường

Số: PT 230

Địa chỉ : Đại lý Hải Anh

Nợ: 111

Lý do nộp: Trả tiền mua hàng

Có: 511, 3331

Số tiền: **11.396.000**

Bằng chữ : *Mười một triệu ba trăm chín mươi sáu ngàn đồng chẵn.*

Kèm theo chứng từ gốc

Giám đốc <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>	Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>	Người nhận <i>(Ký, họ tên)</i>	Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>	Thủ quỹ <i>(Ký, họ tên)</i>
--	--	--	---	---------------------------------------

Đã nhận đủ số tiền: *Mười một triệu ba trăm chín mươi sáu ngàn đồng chẵn*

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

Biểu 2.3 : Trích tháng 12/2010

Đơn vị: DNTN Mai Hưng

Địa chỉ: Số 681, Tràng Minh, Kiến An, HP

Mẫu số S17-DNN

QB số 48/2006/QĐ-BTC

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ : Bộ ghế chân xe máy hoàn chỉnh

Năm 2010

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	SH	NT			SL	Đơn giá	TT	Thuế	Các khoản khác
								
			<u>Tháng 12/2010</u>						
01-12	65517	01-12	Bán cho Cty LyFan VN	112	800	49.600	39.680.000		
03-12	65518	03-12	Bán cho Cty XM DeTech	131	900	49.600	44.640.000		
04-12	65519	04-12	Bán cho Đại lý Hải Anh	111	200	51.800	10.360.000		
07-12	65520	07-12	Bán cho Tập đoàn T&T	131	4000	49.600	198.400.000		
08-12	65521	08-12	Bán lẻ	111	100	54.545	5.454.500		
								
			Tổng cộng tháng 12		16.530		820.770.200		
			Cộng lũy kế năm 2010		164.881		8.437.645.140		

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng*

Biểu 2.4:

Đơn vị : Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng.

Mẫu số: S02a - DNN

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 670

Ngày 04/12/2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Bán hàng cho đại lý Hải Anh, thu tiền mặt	111	511	10.360.000	
	111	3331	1.036.000	
Tổng cộng			11.396.000	

Kèm theo: 02 chứng từ gốc

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

Biểu 2.5:

Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng
Số 681 – Tràng Minh - Kiến An - Hải Phòng

Mẫu số: S02c1-DNN
QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

SỔ CÁI

Năm 2010

Số hiệu: 511 – Doanh thu BH và cung cấp dịch vụ

NTGS	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			- <u>SDĐK</u>			
			- PS trong kỳ			
					
01-12	664	01-12	Bán cho Cty LyFan VN	112		39.680.000
03-12	667	03-12	Bán cho Cty XM DeTech	131		44.640.000
04-12	670	04-12	Bán cho Đại lý Hải Anh	111		10.360.000
07-12	676	07-12	Bán cho Tập đoàn T&T	131		198.400.000
08-12	678	08-12	Bán lẻ	111		5.454.500
					
31-12	720	31-12	K/c DT thuần để XD KQKD	911	8.437.645.140	
			- Cộng phát sinh lũy kế		8.437.645.140	8.437.645.140
			- <u>SDCK</u>			-

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại DNTN Mai Hưng.

2.2.2.1. Nội dung của giá vốn hàng bán tại doanh nghiệp.

Doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Do doanh nghiệp chỉ sản xuất một loại sản phẩm là bộ ghế chân xe máy hoàn chỉnh nên khi xuất bán, kế toán ghi nhận doanh thu đồng thời ghi nhận giá vốn. Sau khi sản xuất sản phẩm hoàn thành, doanh nghiệp tiến hành xuất bán ngay không qua nhập kho nên giá vốn của hàng bán ra chính là chi phí sản xuất thực tế của sản phẩm đó.

2.2.2.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng.

*) Chứng từ sử dụng: Hoá đơn GTGT, Phiếu kế toán, bảng tính giá thành, các chứng từ khác có liên quan...

*) Tài khoản sử dụng:

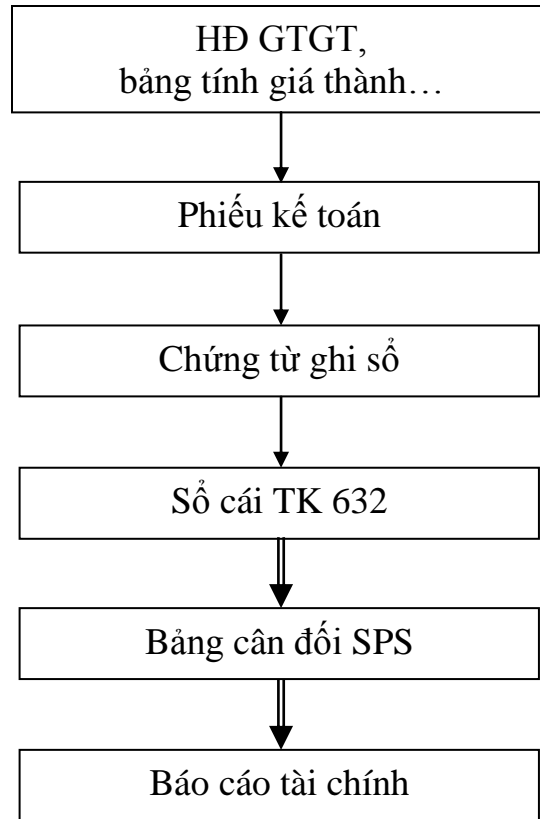
- TK 632: Giá vốn hàng bán.

- TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

2.2.2.3. Quy trình hạch toán.

Quy trình hạch toán giá vốn tại doanh nghiệp Mai Hưng được khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.5



Ghi chú :

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi định kỳ (cuối tháng/ quý/ năm)

2.2.2.4. Ví dụ minh hoạ.

Lấy tiếp ví dụ phần doanh thu bán hàng: Cùng với việc ghi nhận doanh thu, kế toán phản ánh giá vốn hàng bán. Căn cứ vào hoá đơn GTGT số 0065519 (Biểu 2.1), kế toán lập một phiếu kế toán (Biểu 2.6). Căn cứ vào phiếu kế toán để lập CTGS (Biểu 2.7) và từ CTGS ghi vào Sổ cái TK 632 (Biểu 2.8)

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng**

Biểu 2.6:

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 04 tháng 12 năm 2010

Số: 460

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Xuất bán 200 bộ	632	154	8.424.000			
	Cộng			8.424.000			

Ngày 04 tháng 12 năm 2010.

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Biểu 2.7:

Đơn vị : Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng.

Mẫu số: S02a - DNN

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 671

Ngày 04/12/2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Trị giá vốn hàng bán của HĐ 65519	632	154	8.424.000	
Tổng cộng			8.424.000	

Kèm theo: 02 chứng từ gốc

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

Biểu 2.8:

Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng
Số 681 – Tràng Minh - Kiến An - Hải Phòng

Mẫu số: S02c1-DNN
QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

SỔ CÁI

Năm 2010

Số hiệu: 632 – Giá vốn hàng bán

NTGS	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			- <u>SDĐK</u>			
			- PS trong kỳ			
					
01-12	665	01-12	Trị giá vốn hàng bán của HĐ 65517	154	33.696.000	
03-12	668	03-12	Trị giá vốn hàng bán của HĐ 65518	154	37.908.000	
04-12	671	04-12	Trị giá vốn hàng bán của HĐ 65519	154	8.424.000	
07-12	677	07-12	Trị giá vốn hàng bán của HĐ 65520	154	168.480.000	
08-12	679	08-12	Trị giá vốn hàng bán của HĐ 65521	154	4.212.000	
					
31-12	721	31-12	K/c giá vốn hàng bán để XD KQKD	911		8.098.139.484
			- Cộng phát sinh lũy kế		8.098.139.484	8.098.139.484
			- <u>SDCK</u>			-

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại DNTN Mai Hưng.

2.2.3.1. Nội dung của chi phí quản lý kinh doanh tại doanh nghiệp.

Chi phí quản lý kinh doanh là toàn bộ chi phí phục vụ cho việc điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Chi phí quản lý kinh doanh cao hay thấp đều ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của đơn vị. Do đó, doanh nghiệp phải giảm thiểu chi phí quản lý kinh doanh tới mức có thể góp phần làm tăng lãi.

2.2.3.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng.

*) Chứng từ sử dụng:

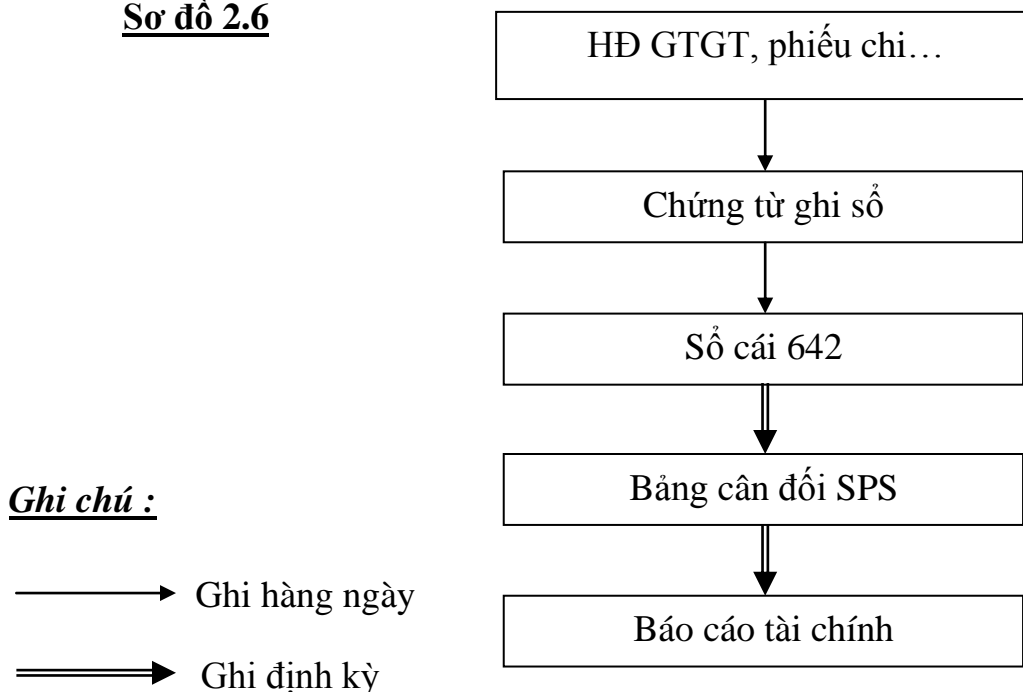
- Hoá đơn GTGT, Phiếu chi, Giấy báo Nợ...
- Bảng phân bổ lương bộ phận quản lý.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ...

*) Tài khoản sử dụng: TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh.

2.2.3.3. Quy trình hạch toán.

Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh được thể hiện qua sơ đồ:

Sơ đồ 2.6



**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng**

2.2.3.4. Ví dụ minh họa.

Ngày 15/12/2010, thanh toán tiền tiếp khách cho ông Hưng – Giám Đốc doanh nghiệp. Tổng tiền thanh toán là 1.650.000đ, VAT 10%.

Biểu 2.9

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01 GTKT – 3LLL
**MV/2010B
0046834**

(Liên 2: Giao cho khách hàng)

Ngày 15 tháng 12 năm 2010

Đơn vị Bán hàng: Khách sạn Bình Minh Trường Sơn – Công ty CP TMDV Quốc Tuấn

Địa chỉ: Số 29/261 Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng

Số tài khoản:

Điện thoại:

MST: 0200734135

Họ tên người mua hàng: Ông Hưng

Địa chỉ: Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: TM

MST: 0200453198

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
	Tiền ăn			1.500.000	1.500.000
Cộng tiền hàng:					1.500.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		150.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.650.000
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng*

Biểu 2.10

Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng
Số 681 – Tràng Minh - Kiến An - Hải Phòng

Mẫu số 02 - TT
QĐ 48/2006/QĐ-BTC

PHIẾU CHI

Ngày 15 tháng 12 năm 2010

Họ tên người nhận tiền:	Ông Hưng	Quyển	04/ 2010
Địa chỉ :	DNTN Mai Hưng	Số:	PC 240
Lý do chi:	Chi tiếp khách	Nợ:	642, 133
Số tiền:	1.650.000	Có:	111

Bằng chữ : *Một triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng chẵn.*

Kèm theo chứng từ gốc

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nhận tiền	Người lập	Thủ quỹ
<i>(Ký tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	phiếu	<i>(Ký, họ tên)</i>
			<i>(Ký, họ tên)</i>	

Đã nhận đủ số tiền: *Một triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng chẵn.*

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....
+ Số tiền quy đổi:.....

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng*

Biểu 2.11:

Đơn vị : Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng.

Mẫu số: S02a - DNN

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 686

Ngày 15/12/2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Giám đốc chi tiếp khách	642	111	1.500.000	
	133	111	150.000	
Tổng cộng			1.650.000	

Kèm theo: 02 chứng từ gốc

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

Biểu 2.12:

Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng
Số 681 – Tràng Minh - Kiến An - Hải Phòng

Mẫu số: S02c1-DNN
QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

SỔ CÁI

Năm 2010

Số hiệu: 642 – Chi phí quản lý kinh doanh.

NTGS	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			- <u>SDĐK</u>		-	
			- PS trong kỳ			
					
15-12	686	15-12	Giám đốc chi tiếp khách	111	1.500.000	
20-12	693	18-12	Thanh toán hoá đơn cước di động	111	1.272.152	
22-12	695	22-12	Phí CK khi trả nợ công ty Vĩnh Thực	112	55.000	
					
31-12	718	31-12	Tính lương phải trả CBQL	334	15.500.000	
31-12	721	31-12	K/c chi phí QLKD để XĐ KQKD	911		204.479.989
			- Cộng phát sinh luỹ kế		204.479.989	204.479.989
			- <u>SDCK</u>		-	

2.2.4. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.

2.2.4.1. Nội dung của doanh thu HĐTC và chi phí TC tại doanh nghiệp.

Doanh nghiệp Mai Hưng chú trọng vào việc sản xuất và kinh doanh nên trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp không tham gia vào các hoạt động đầu tư chứng khoán, giao dịch chứng khoán hay góp vốn liên doanh. Theo phương thức thanh toán không dùng tiền mặt, trong tài khoản tiền gửi ngân hàng của doanh nghiệp bao giờ cũng có một lượng tiền nhất định và doanh nghiệp được hưởng lãi tiền gửi từ số tiền này. Ngoài ra, trong quá trình kinh doanh do cần thêm vốn nên doanh nghiệp có vay của ngân hàng. Vì vậy, doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp phát sinh là do nhận lãi tiền gửi tại ngân hàng; còn chi phí hoạt động tài chính của doanh nghiệp phát sinh là do trả lãi tiền vay.

2.2.4.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng.

*) Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo Nợ, giấy báo Có
- Các chứng từ có liên quan hoặc thông báo của ngân hàng.

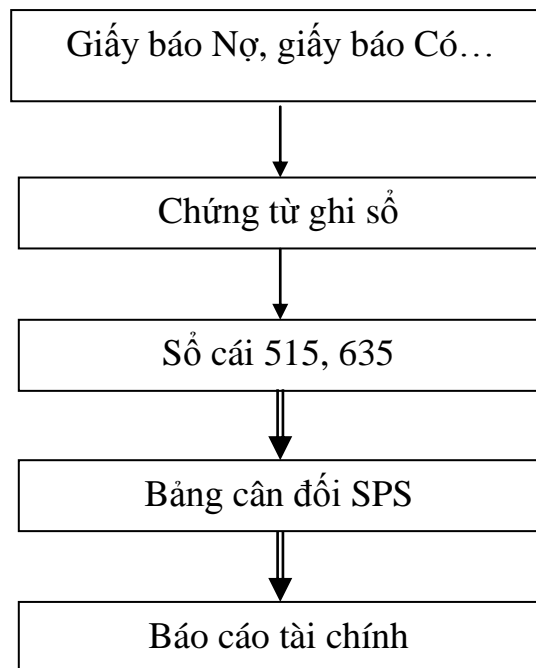
*) Tài khoản sử dụng:

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính.
- TK 635: Chi phí tài chính

2.2.4.3. Quy trình hạch toán.

Quy trình hạch toán doanh thu HĐTC và chi phí TC tại doanh nghiệp được thể hiện khái quát qua sơ đồ:

Sơ đồ 2.7



Ghi chú :

—————→ Ghi hàng ngày

=====> Ghi định kỳ

2.2.4.4. Ví dụ minh họa.

Ví dụ 1: Ngày 31/12/2010, doanh nghiệp nhận được giấy báo Có của ngân hàng BIDV về lãi tiền gửi được hưởng, số tiền là 164.142đ. Số tiền lãi trên được chuyển nhập vào số tiền trong tài khoản của doanh nghiệp tại ngân hàng.

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng*

Biểu 2.13



BIDV

GIẤY BÁO CÓ

Ngày : 31/12/2010

SỐ TÀI KHOẢN : 12210000409988

TÊN TÀI KHOẢN : DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN MAI HƯNG

Kính gửi: DOANH NGHIỆP TƯ
NHÂN MAI HƯNG

Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của Quý khách đã được ghi Có với nội dung như sau:

Ngày hiệu lực	Số tiền	Loại tiền	Diễn giải
31/12/2010	164.142,00	VND	LÃI NHẬP GỐC

Giao dịch viên

Kiểm soát

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng*

Biểu 2.14:

Đơn vị : Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng.

Mẫu số: S02a - DNN

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 719

Ngày 31/12/2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Lãi tiền gửi tháng 12/2010	112	515	164.142	
Tổng cộng			164.142	

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

Biểu 2.15:

Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng
Số 681 – Tràng Minh - Kiến An - Hải Phòng

Mẫu số: S02c1-DNN
QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

SỔ CÁI

Năm 2010

Số hiệu: 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

NTGS	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			- <u>SDDK</u>			-
			- PS trong kỳ			
					
31-12	719	31-12	Lãi tiền gửi tháng 12/2010	112		164.142
31-12	720	31-12	K/c doanh thu HĐTC để XD KQKD	911	1.200.781	
			- Cộng phát sinh lũy kế		1.200.781	1.200.781
			- <u>SDCK</u>			-

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng***

Ví dụ 2: Ngày 29/12/2010, doanh nghiệp chuyên khoản trả lãi tiền vay của TK 001895 cho ngân hàng BIDV, số tiền là 830.556đ.

Biểu 2.16



BIDV

GIẤY BÁO NỢ

Ngày : 29/12/2010

SỐ TÀI KHOẢN : 12210000409988

TÊN TÀI KHOẢN : DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN MAI HƯNG

Kính gửi: DOANH NGHIỆP TƯ
NHÂN MAI HƯNG

Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của Quý khách đã được ghi Nợ với nội dung như sau:

Ngày hiệu lực	Số tiền	Loại tiền	Diễn giải
29/12/2010	830.556,00	VND	TRẢ LÃI TIỀN VAY CỦA TK 001895

Giao dịch viên

Kiểm soát

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng*

Biểu 2.17:

Đơn vị : Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng.

Mẫu số: S02a - DNN

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 699

Ngày 29/12/2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Trả lãi tiền vay TK 001895	635	112	830.556	
Tổng cộng			830.556	

Kèm theo: 02 chứng từ gốc

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

Biểu 2.18:

Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng
Số 681 – Tràng Minh - Kiến An - Hải Phòng

Mẫu số: S02c1-DNN
QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

SỔ CÁI

Năm 2010

Số hiệu: 635 – Chi phí tài chính

NTGS	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			- <u>SDDK</u>		-	
			- PS trong kỳ			
					
24-12	696	24-12	Trả lãi tiền vay TK 001778	112	559.723	
29-12	699	29-12	Trả lãi tiền vay TK 001895	112	830.556	
31-12	721	31-12	K/c chi phí TC để XD KQKD	911		16.475.558
			- Cộng phát sinh lũy kế		16.475.558	16.475.558
			- <u>SDCK</u>		-	

2.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

2.2.5.1. Nội dung của kế toán chi phí thuế TNDN tại doanh nghiệp.

Hàng quý, kế toán căn cứ vào tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp để ghi nhận số thuế TNDN tạm phải nộp vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Cuối năm tài chính, căn cứ vào tờ khai quyết toán thuế, nếu số thuế TNDN tạm phải nộp trong năm nhỏ hơn số thực tế phải nộp cho năm đó thì kế toán kế toán ghi nhận số thuế TNDN phải nộp thêm vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp số thuế TNDN tạm nộp trong năm lớn hơn số thực tế phải nộp cho năm đó thì kế toán phải ghi giảm chi phí thuế TNDN là số chênh lệch giữa số thuế TNDN tạm nộp trong năm với số thực tế phải nộp.

Cuối năm tài chính, kế toán phải kết chuyển chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để xác định kết quả sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.2.5.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng.

*) Chứng từ sử dụng: Chứng từ ghi sổ, phiếu chi, tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp...

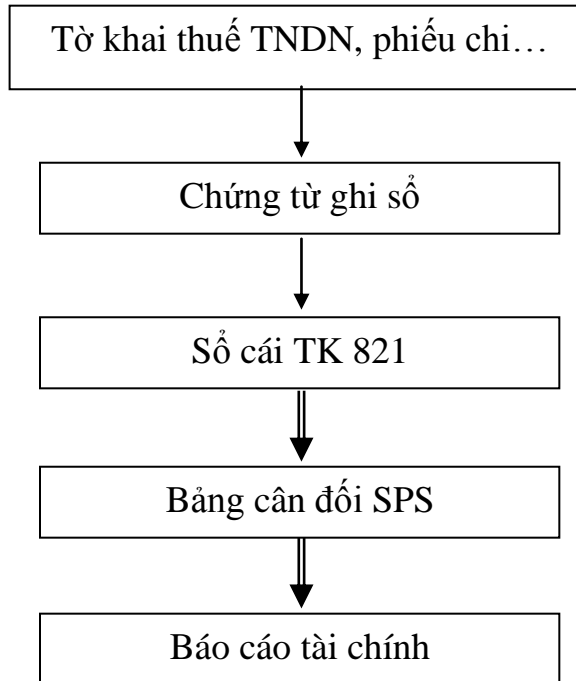
*) Tài khoản sử dụng:

- TK 911 : Xác định kết quả kinh doanh.
- TK 821 : Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- TK 3334: Thuế thu nhập doanh nghiệp.

2.2.5.3. Quy trình hạch toán.

Quy trình hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại doanh nghiệp Mai Hưng được khái quát qua sơ đồ:

Sơ đồ 2.8



Ghi chú :

—————→ Ghi hàng ngày

=====> Ghi định kỳ

2.2.5.4. Ví dụ minh họa.

Đầu quý II, ngày 05/04/2010, căn cứ vào thông báo nộp thuế TNDN, doanh nghiệp xác định số thuế TNDN tạm nộp của quý I là 3.412.430đ.

- Tổng doanh thu, thu nhập tạm tính Quý I = 651.340.720

- Tổng chi phí tạm tính Quý I = 637.691.000

=> TN chịu thuế TNDN tạm tính = 651.340.720 - 637.691.000 = 13.649.720

Thuế TNDN tạm phải nộp = 13.649.720 x 25% = 3.412.430

Dựa vào các kết quả tính được kế toán lập chứng từ ghi sổ và vào Sổ cái tài khoản 821.

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng**

Biểu 2.19:

Đơn vị : Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng.

Mẫu số: S02a - DNN

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 135

Ngày 05/04/2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xác định thuế TNDN tạm phải nộp quý I	821	3334	3.412.430	
Tổng cộng			3.412.430	

Kèm theo: chứng từ gốc

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tương tự quý I, kế toán xác định số thuế TNDN tạm nộp cho quý 2 và quý 3:

- Thuế TNDN tạm phải nộp quý 2 = 4.883.488

- Thuế TNDN tạm phải nộp quý 3 = 3.967.185

Cuối tháng 12 năm 2010, kế toán xác định được:

- Tổng doanh thu, thu nhập năm 2010 = 8.438.845.921

- Tổng chi phí năm 2010 = 8.319.095.031

=> Thuế TNDN phải nộp năm 2010 = $(8.438.845.921 - 8.319.095.031) \times 25\%$
= 29.937.723

Do số thuế TNDN tạm nộp nhỏ hơn số thực nộp trong kỳ nên doanh nghiệp tiến hành nộp bổ sung theo quyết toán.

Số tiền = $29.937.723 - (3.412.430 + 4.883.488 + 3.967.185) = 17.674.620$

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

Biểu 2.20:

Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng
Số 681 – Tràng Minh - Kiến An - Hải Phòng

Mẫu số: S02c1-DNN
QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

SỔ CÁI

Năm 2010

Số hiệu: 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

NTGS	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			- SĐĐK			
			- PS trong kỳ			
31-03	135	31-03	XĐ thuế TNDN tạm nộp quý I	3334	3.412.430	
30-06	321	30-06	XĐ thuế TNDN tạm nộp quý II	3334	4.883.488	
30-09	562	30-09	XĐ thuế TNDN tạm nộp quý III	3334	3.967.185	
31-12	721	31-12	K/c chi phí thuế TNDN thực tế phải nộp năm 2010	911		29.937.723
31-12	722	31-12	Chênh lệch thuế TNDN phải nộp bổ sung theo quyết toán	3334	17.674.620	
			- Cộng phát sinh		29.937.723	29.937.723
			- SDCK		-	

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

2.2.6. Kế toán xác định KQKD tại DNTN Mai Hưng.

2.2.6.1. Nội dung của xác định kết quả kinh doanh tại DN.

Để xác định kết quả kinh doanh, kế toán thực hiện các bút toán:

- Kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu HĐTC sang bên Có TK 911.
- Kết chuyển GVHB, chi phí QLKD, chi phí TC sang bên Nợ TK 911.

Nếu tổng số phát sinh bên Nợ TK 911 lớn hơn tổng phát sinh bên Có TK 911 thì kế toán kết chuyển phần chênh lệch (kết chuyển lỗ) sang bên Nợ TK 421

Nợ TK 421

Có TK 911

Nếu tổng số phát sinh bên Nợ TK 911 nhỏ hơn tổng phát sinh bên Có TK 911 thì chứng tỏ trong năm doanh nghiệp kinh doanh có lãi. Kế toán tính thuế TNDN phải nộp Nhà nước như sau:

- XĐ thu nhập chịu thuế = \sum SPS Có TK 911 - \sum SPS Nợ TK 911
- Thuế TNDN phải nộp = TN chịu thuế x thuế suất thuế TNDN

Sau khi tính được số thuế TNDN phải nộp, kế toán thực hiện kết chuyển chi phí thuế TNDN sang bên Nợ TK 911, từ đó xác định số lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp để kết chuyển sang bên Có TK 421.

2.2.6.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng.

*) Chứng từ sử dụng: Chứng từ ghi sổ

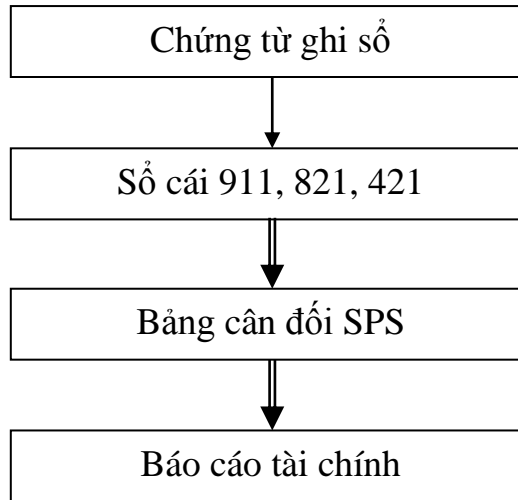
*) Tài khoản sử dụng:

- TK 911 : Xác định kết quả kinh doanh.
- TK 821 : Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- TK 421 : Lợi nhuận chưa phân phối.

2.2.6.3. Quy trình hạch toán.

Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp Mai Hưng được khái quát qua sơ đồ:

Sơ đồ 2.9



Ghi chú :

—————> Ghi hàng ngày

=====> Ghi định kỳ

2.2.5.4. Ví dụ minh họa.

Cuối tháng 12 kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

Sau khi thực hiện các bút toán kết chuyển ta có:

Tổng số phát sinh bên Có TK 911:

- K/c doanh thu thuần : 8.437.645.140
- K/c doanh thu HĐTC : 1.200.781

Tổng cộng = 8.438.845.921

Tổng số phát sinh bên Nợ TK 911:

- K/c giá vốn hàng bán : 8.098.139.484
- K/c chi phí HĐTC : 16.475.558
- K/c chi phí quản lý kinh doanh : 204.479.989

Tổng cộng = 8.319.095.031

Lợi nhuận trước thuế = 8.438.845.921 - 8.319.095.031 = 119.750.890

Thuế TNDN phải nộp = 119.750.890 x 25% = 29.937.723

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng***

Lợi nhuận sau thuế = 119.750.890 - 29.937.723 = 89.813.167

Dựa vào các kết quả tính được kế toán lập các chứng từ ghi sổ và vào Sổ cái tài khoản 911, 821, 421.

Biểu 2.21:

Đơn vị : Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng.

Mẫu số: S02a - DNN

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 720

Ngày 31/12/2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
K/c doanh thu, thu nhập trong năm 2010				
K/c doanh thu thuần năm 2010	511	911	8.437.645.140	
K/c doanh thu HĐTC năm 2010	515	911	1.200.781	
Tổng cộng			8.438.845.921	

Kèm theo: chứng từ gốc

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng*

Biểu 2.22:

Đơn vị : Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng.

Mẫu số: S02a - DNN

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 721

Ngày 31/12/2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
K/c chi phí trong năm 2010				
K/c giá vốn hàng bán năm 2010	911	632	8.098.139.484	
K/c chi phí QLKD năm 2010	911	642	204.479.989	
K/c chi phí HĐTC năm 2010	911	635	16.475.558	
K/c chi phí thuế TNDN thực tế phải nộp năm 2010	911	821	29.937.723	
Tổng cộng			8.349.032.754	

Kèm theo: chứng từ gốc

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng**

Biểu 2.23:

Đơn vị : Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng.

Mẫu số: S02a - DNN

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 722

Ngày 31/12/2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Chênh lệch thuế TNDN phải nộp bổ sung theo quyết toán	821	3334	17.674.620	
Tổng cộng			17.674.620	

Kèm theo: chứng từ gốc

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.24:

Đơn vị : Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng.

Mẫu số: S02a - DNN

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 723

Ngày 31/12/2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
K/c lợi nhuận sau thuế năm 2010	911	421	89.813.167	
Tổng cộng			89.813.167	

Kèm theo: chứng từ gốc

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

Biểu 2.25:

Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng
Số 681 – Tràng Minh - Kiến An - Hải Phòng

Mẫu số: S02c1-DNN
QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

SỔ CÁI

Năm 2010

Số hiệu: 911 – Xác định kết quả kinh doanh

NTGS	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			- SDDK			
			- PS trong kỳ			
31-12	720	31-12	K/c doanh thu thuần năm 2010	511		8.437.645.140
	720		K/c doanh thu HĐTC năm 2010	515		1.200.781
	721		K/c giá vốn hàng bán năm 2010	632	8.098.139.484	
	721		K/c chi phí QLKD năm 2010	642	204.479.989	
	721		K/c chi phí HĐTC năm 2010	635	16.475.558	
	721		K/c chi phí thuế TNDN thực tế phải nộp năm 2010	821	29.937.723	
	723		K/c lợi nhuận sau thuế năm 2010	421	89.813.167	
			- Cộng phát sinh		8.438.845.921	8.438.845.921
			- SDCK			

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

Biểu 2.26:

Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng
Số 681 – Tràng Minh - Kiến An - Hải Phòng

Mẫu số: S02c1-DNN
QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

SỔ CÁI

Năm 2010

Số hiệu: 821 – Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp

NTGS	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			- SDDK			
			- PS trong kỳ			
31-03	135	31-03	XĐ thuế TNDN tạm nộp quý I	3334	3.412.430	
30-06	321	30-06	XĐ thuế TNDN tạm nộp quý II	3334	4.883.488	
30-09	562	30-09	XĐ thuế TNDN tạm nộp quý III	3334	3.967.185	
31-12	721	31-12	K/c chi phí thuế TNDN thực tế phải nộp năm 2010	911		29.937.723
31-12	722	31-12	Chênh lệch thuế TNDN phải nộp bổ sung theo quyết toán	3334	17.674.620	
			- Cộng phát sinh		29.937.723	29.937.723
			- SDCK		-	

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

Biểu 2.27:

Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng
Số 681 – Tràng Minh - Kiến An - Hải Phòng

Mẫu số: S02c1-DNN
QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

SỔ CÁI

Năm 2010

Số hiệu: 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

NTGS	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			<u>-SDDK</u>		<u>195.244.911</u>	
			- PS trong kỳ			
31-12	723	31-12	K/c lợi nhuận sau thuế năm 2010	911		89.813.167
			- Cộng phát sinh lũy kế			89.813.167
			<u>- SDCK</u>		<u>105.431.824</u>	

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng**

Biểu 2.28:

Đơn vị: DNTN Mai Hưng

Mẫu số B02-DNN

Địa chỉ: Ngõ 681 Tràng Minh, Kiến An, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	A	B	C	1	2
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	8,437,645,140	5,562,301,727
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV (10=01-02)	10		8,437,645,140	5,562,301,727
4	Giá vốn hàng bán	11		8,098,139,484	5,378,579,383
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng & CCDV (20=10-11)	20		339,505,656	183,722,344
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		1,200,781	
7	Chi phí tài chính	22		16,475,558	14,743,366
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16,475,558	14,743,366
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24		204,479,989	119,552,465
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24)	30		119,750,890	49,426,513
10	Thu nhập khác	31			
11	Chi phí khác	32			
12	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40			
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	IV.09	119,750,890	49,426,513
14	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		29,937,723	12,356,628
15	Lợi nhuận sau thuế TNDN(60=50-51)	60		89,813,167	37,069,885

Hải phòng, ngày 28 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN MAI HƯNG

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng.

3.1.1. Đánh giá chung.

Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng tuy là một doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ nhưng cũng có chỗ đứng nhất định trên thị trường, có những chuyển biến tích cực trong hoạt động kinh doanh.

Trong nền kinh tế thị trường đang diễn ra gay gắt giữa các thành phần kinh tế, các lĩnh vực kinh tế khác nhau, nhiều doanh nghiệp làm ăn thua lỗ dẫn đến phá sản, giải thể. Do nhận thức kịp thời chuyển động của nền kinh tế và phân tích đúng đắn nhu cầu của thị trường, doanh nghiệp đã có những phương hướng, những giải pháp kinh tế hiệu quả khắc phục những khó khăn và phát huy những thế mạnh mà doanh nghiệp đang có để bắt kịp được với sự phát triển của nền kinh tế đất nước.

Doanh nghiệp đã đẩy mạnh tìm kiếm thị trường tiêu thụ, mở rộng hoạt động kinh doanh, cải thiện điều kiện làm việc cho cán bộ công nhân viên. Doanh thu bán hàng của doanh nghiệp liên tục tăng. Doanh nghiệp tồn tại và phát triển được là do sự vươn lên không ngừng đổi mới của doanh nghiệp mà trước hết là do sự năng động sáng tạo của ban giám đốc, của bộ máy tổ chức công ty và sự đoàn kết đồng lòng của cán bộ công nhân viên.

3.1.2. Ưu điểm.

*) Về bộ máy quản lý.

Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng tổ chức bộ máy quản lý theo hình thức tập trung, gọn nhẹ, linh hoạt nên rất hiệu quả. Mọi hoạt động của doanh nghiệp đều do Giám đốc trực tiếp điều hành, quản lý và chịu trách nhiệm.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

***) Về bộ máy kế toán.**

Bộ máy kế toán của doanh nghiệp được tổ chức quy củ, gọn nhẹ, phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, phản ánh đầy đủ nội dung hạch toán, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý.

***) Về hình thức kế toán.**

Doanh nghiệp hiện nay đang áp dụng hình thức kế toán “Chứng từ ghi sổ”. Việc áp dụng hình thức này có ưu điểm là mẫu sổ đơn giản, dễ làm, dễ đối chiếu, dễ kiểm tra, thuận tiện cho phân công công việc trong phòng kế toán, từ đó giúp kế toán trưởng nắm bắt được chi tiết, nhanh chóng kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

***) Về hạch toán ban đầu.**

Các chứng từ sử dụng cho hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do BTC quy định.

Những thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép một cách đầy đủ chính xác, đều có chữ ký xác nhận của các bên có liên quan, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu giữa số liệu thực tế với số liệu trên sổ kế toán.

Sau khi hạch toán các chứng từ được lưu trữ cẩn thận theo từng bộ, từng khoản mục, trình tự thời gian, tạo điều kiện kiểm tra đối chiếu khi cần thiết.

***) Về phương pháp hạch toán hàng tồn kho.**

Doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp này tạo điều kiện cho việc phản ánh, ghi chép và theo dõi thường xuyên sự biến động của sản phẩm.

3.1.3. Hạn chế.

Bên cạnh những ưu điểm về bộ máy quản lý, bộ máy kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng thì doanh nghiệp còn một số mặt hạn chế nhất định mà cần phải khắc phục:

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

- Kế toán không mở Sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán) và Bảng tổng hợp chi tiết thanh toán với người mua (người bán). Điều này khiến kế toán gặp khó khăn trong việc theo dõi tình hình công nợ của khách hàng đối với doanh nghiệp cũng như công nợ của doanh nghiệp đối với nhà cung cấp. Cũng từ đó, ban lãnh đạo doanh nghiệp chưa nắm bắt kịp thời được tình hình nợ phải thu hoặc nợ phải trả của doanh nghiệp như thế nào để từ đó đề ra các chính sách, các giải pháp phù hợp.

- Doanh nghiệp áp dụng hình thức kế toán “ Chứng từ ghi sổ” là phù hợp với quy mô và đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp, tuy nhiên, hình thức này có nhược điểm là dễ dẫn đến ghi chép bị trùng lặp. Hơn nữa, doanh nghiệp không sử dụng “ Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ” để quản lý CTGS nên chưa đảm bảo cho công tác kiểm tra, so sánh, đối chiếu số liệu với Bảng cân đối số phát sinh.

- Hiện nay doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng đã áp dụng máy vi tính vào công tác hạch toán kế toán nhưng lại không sử dụng phần mềm kế toán nào. Hệ thống sổ sách và trình tự ghi sổ tại doanh nghiệp mới chỉ được xây dựng trên chương trình Word, Excel và việc ghi chép còn rất thủ công. Trong khi đó hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng được mở rộng, nghiệp vụ kinh tế phát sinh ngày càng nhiều khiến kế toán phải đảm nhiệm một khối lượng công việc lớn, mất khá nhiều thời gian, đôi khi dẫn đến sai lệch hay nhầm lẫn số liệu. Việc áp dụng kế toán máy sẽ đảm bảo thống nhất đồng bộ hệ thống không chỉ riêng ở bộ phận kế toán. Do đó, nếu doanh nghiệp có sử dụng máy vi tính nhưng không tận dụng được hết sẽ gây lãng phí, giảm hiệu quả của việc áp dụng máy vi tính vào công tác kế toán.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại DNTN Mai Hưng.

3.2.1. Sự cần thiết và nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại DNTN Mai Hưng.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

Trong hoạt động kinh doanh nói chung, phần hành kế toán hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phần hành rất quan trọng bởi đây chính là khâu cuối cùng trong quá trình luân chuyển vốn của doanh nghiệp để chuyển sang hình thái tiền tệ, thể hiện được kết quả và khả năng kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

Hoàn thiện phần hành kế toán này là một vấn đề thực sự cần thiết trong tất cả các doanh nghiệp vì:

- Khi quá trình tiêu thụ và hạch toán xác định kết quả kinh doanh được hoàn thiện, điều đó có nghĩa là việc sử dụng hệ thống tài khoản sẽ tạo điều kiện rất thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát công tác kế toán toàn doanh nghiệp. Việc hạch toán tiêu thụ đúng đắn sẽ phản ánh được toàn bộ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp., điều đó cho thấy bộ máy kế toán cung cấp thông tin, số liệu chính xác cho nhà quản lý doanh nghiệp trong việc ra quyết định cũng như các cơ quan nhà nước trong việc giám sát quá trình kinh doanh của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện quá trình này giúp cho việc hoàn thiện sổ sách của doanh nghiệp. Ngoài hệ thống sổ sách theo quy định, doanh nghiệp cần bổ sung những loại sổ sách chi tiết cần thiết nhằm cung cấp thông tin một cách chính xác và cụ thể nhất, tạo điều kiện cho các nhà quản lý hoạch định chiến lược kinh doanh hợp lý cũng như những thông tin bổ ích cho các đối tượng quan tâm. Việc ghi chép chi tiết theo tháng, quý... tạo điều kiện cho công tác kiểm tra đối chiếu số liệu, xác định chính xác tình hình thanh toán công nợ, thời điểm ghi nhận doanh thu và một số đặc điểm riêng khác của hoạt động kinh doanh dịch vụ, kết cấu sổ gọn nhẹ, giảm bớt khối lượng ghi chép mà vẫn đảm bảo cung cấp đầy đủ các thông tin kinh tế tài chính cho mọi đối tượng quan tâm.

- Mục tiêu hoàn thiện tổ chức hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là biện pháp mang tính khả thi, có hiệu quả cao, đòi hỏi một khoản chi phí thấp. Vì vậy, quan điểm cơ bản của việc hoàn thiện là phải dựa vào nguồn

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

nhân lực, vật lực hiện có cũng như dựa vào bộ máy quản lý hiện có phù hợp với quy mô doanh nghiệp. Xuất phát từ mục tiêu và quan điểm như trên, để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại DNTN Mai Hưng cần phải đáp ứng yêu cầu sau:

+ Hạch toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh phải hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tuân thủ chế độ kế toán, chính sách về quản lý kinh tế tài chính của Nhà nước trong việc hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả...

+ Hoàn thiện công tác kế toán trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh cũng như đặc điểm tổ chức kế toán của doanh nghiệp nhằm mang lại hiệu quả cao nhất. Hạch toán phải tôn trọng nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung, theo pháp lệnh kế toán cũng như Luật kế toán mới ban hành và chuẩn mực kế toán quốc tế được thừa nhận ở Việt Nam.

+ Hoàn thiện công tác kế toán phải được đặt trong mối quan hệ giữa chi phí và lợi ích đạt được, phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí nhưng vẫn đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động đều và có hiệu quả vì mục đích cuối cùng là nâng cao hiệu quả công tác, đồng thời nâng cao lợi nhuận của doanh nghiệp.

+ Hoàn thiện công tác hạch toán kế toán phải hướng tới hiện đại hoá, chuyên môn hoá và đảm bảo tính chính xác, kịp thời và cần thiết của các thông tin kế toán cho việc ra quyết định.

3.2.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại DNTN Mai Hưng.

3.2.2.1. Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng.

Lấy lại các ví dụ đã nêu, kế toán bổ sung ghi sổ như sau:

- Căn cứ vào các CTGS đã lập, kế toán lập sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng*

Biểu 3.1 : Mẫu sổ “sổ đăng ký chứng từ ghi sổ”

Đơn vị :

Mẫu số: S02b – DNN

Địa chỉ :

QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm: ...

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
- Cộng tháng		
- Cộng lũy kế từ đầu quý		

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Ngày tháng năm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký tên, đóng dấu)

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng**

Biểu 3.2 : Trích tháng 12/2010

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
.....
Tháng 12/2010		
.....
670	04/12	11.396.000
671	04/12	8.424.000
686	15/12	1.650.000
699	29/12	830.556
719	31/12	164.142
720	31/12	8.438.845.921
721	31/12	8.349.032.754
722	31/12	17.674.620
723	31/12	89.813.167
.....
Cộng lũy kế năm 2010		70.570.437.840

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký tên, đóng dấu)

- Căn cứ vào các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, khách hàng/ nhà cung cấp mà kế toán mở sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán), và bảng tổng hợp chi tiết thanh toán với người mua (người bán).

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

Biểu 3.3 : Mẫu sổ “sổ chi tiết thanh toán với NM/NB”

Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng
Số 681 – Tràng Minh - Kiến An - Hải Phòng

Mẫu số: S13-DNN
QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

Tài khoản:

Đối tượng:

Năm:

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			<u>SDDK:</u>						
			Cộng phát sinh						
			<u>SD CK</u>						

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

Biểu 3.4: (Trích số liệu T12/2010)

Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng
Số 681 – Tràng Minh - Kiến An - Hải Phòng

Mẫu số: S13-DNN
QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331 - Phải trả người bán

Đối tượng: Công ty cổ phần que hàn điện Hà Việt

Năm: 2010

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Thời hạn CK	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			<u>SDDK:</u>						<u>21.166.820</u>
			Tháng 12/2010						
02-12	048009	02-12	Mua que hàn HV-j421 3.2 mm	152			12.190.000		33.356.820
				133			1.219.000		34.575.820
07-12	048034	07-12	Mua que hàn HV-j421 4.0 mm	152			18.894.500		53.470.320
				133			1.889.450		55.359.770
09-12	UNC 225	09-12	Trả nợ tiền hàng của ngày 22/11	112		21.166.820			34.192.950
								
			Cộng phát sinh			21.166.820	34.192.950		
			<u>SD CK</u>						<u>34.192.950</u>

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

Biểu 3.5: (Trích số liệu T12/2010)

Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng
Số 681 – Tràng Minh - Kiến An - Hải Phòng

Mẫu số: S13-DNN
QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản: 131 - Phải thu của khách hàng

Đối tượng: Công ty xe máy Detech

Năm: 2010

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Thời hạn CK	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			<u>SDDK:</u>					-	
			Tháng 12/2010						
03-12	065518	03-12	Bán 900 bộ để chân hoàn chỉnh	511		44.640.000		44.640.000	
				3331		4.464.000		49.104.000	
11-12	GBC 241	11-12	Thu tiền hàng = CK	112			40.000.000	9.104.000	
21-12	065526	21-12	Bán 850 bộ để chân hoàn chỉnh	511		44.030.000		53.134.000	
				3331		4.403.000		57.537.000	
			Cộng phát sinh			97.537.000	40.000.000		
			<u>SD CK</u>					<u>57.537.000</u>	

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

Biểu 3.6 : Mẫu sổ “bảng tổng hợp chi tiết thanh toán với NM/NB”

Doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng

Số 681 – Tràng Minh - Kiến An - Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

Tài khoản:

Tên tài khoản:

Năm:

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
	Tổng						

3.2.2.2. Một số kiến nghị khác.

- Doanh nghiệp hiện nay đang áp dụng hình thức kế toán “Chứng từ ghi sổ”. Việc hạch toán sổ sách vẫn được tiến hành theo phương pháp thủ công, số lượng ghi sổ nhiều nên việc áp dụng một phần mềm kế toán là rất phù hợp và thuận lợi cho người kế toán. Hiệu quả của việc hoàn thiện là giúp cho việc hạch toán kế toán được đơn giản, gọn nhẹ, nhanh chóng, chính xác, tạo được hiệu quả cao trong công tác quản lý, thuận tiện cho việc lưu trữ và bảo quản dữ liệu kế toán. Doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong một số phần mềm kế toán dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ như sau: VACOM, SAS INNOVA, MISA SME 2010, SIMBA ACCOUNTING...

- Doanh nghiệp nên tạo điều kiện cho nhân viên kế toán được bồi dưỡng và nâng cao trình độ nghiệp vụ tin học vì hiện nay tuy trong phòng kế toán đã được trang bị đầy đủ máy tính, máy in...nhưng họ vẫn chưa tận dụng được hết khả năng của máy vi tính...

- Đối với những chỗ ghi chép sai trên sổ kế toán, doanh nghiệp nên vận dụng những phương pháp sửa chữa sổ theo quy định. Có 3 phương pháp sau:

+ Phương pháp cải chính: gạch ngang chỗ sai, dùng mực thường ghi số đúng vào khoảng trống phía trên chỗ bị gạch và ký tên bên cạnh chỗ ghi.

+ Phương pháp ghi bổ sung: dùng mực thường ghi bổ sung số tiền còn thiếu theo quan hệ đối ứng.

+ Phương pháp ghi âm: dùng mực đỏ hoặc đặt số tiền trong ngoặc để điều chỉnh giảm số tiền đã ghi sổ.

KẾT LUẬN

Trong môi trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay, để có thể tồn tại và phát triển các doanh nghiệp phải nỗ lực hơn nữa bằng chính năng lực của mình. Muốn đạt được điều đó thì công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng càng phải được củng cố và hoàn thiện hơn nữa để công tác này thực sự trở thành công cụ quản lý tài chính, kinh doanh của doanh nghiệp.

Nhận thức được điều đó, doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng đã rất chủ động quan tâm tới khâu quản lý kinh doanh và xác định kết quả bán hàng, trong đó phòng kế toán đã góp phần không nhỏ vào thành công chung của doanh nghiệp. Trong thời gian tới, với quy mô kinh doanh ngày càng được mở rộng, em hy vọng rằng công tác kế toán của doanh nghiệp sẽ hoàn thiện hơn nữa để đáp ứng yêu cầu quản lý ngày càng cao của nền kinh tế thị trường.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn cô giáo hướng dẫn Bùi Thị Chung, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng, ban Giám Đốc và tập thể nhân viên DNTN Mai Hưng đã giúp đỡ em hoàn thành bài viết này.

Với sự hiểu biết và kinh nghiệm còn hạn chế, bài viết này không thể tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô giáo để bài viết được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Nguyễn Thị Trang.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

STT	TÊN TÀI LIỆU
1	Giáo trình kế toán tài chính - ĐH Kinh Tế Quốc Dân.
2	Quyết Định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ.
3	Chế độ kế toán doanh nghiệp Quyển 1+2
4	Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam
5	Các bài khoá luận năm trước

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Số thứ tự
CTGS	Chứng từ ghi sổ
SH	Số hiệu
NT	Ngày tháng
NTGS	Ngày tháng ghi sổ
TK	Tài khoản
TK ĐƯ	Tài khoản đối ứng
GTGT	Giá trị gia tăng
XDCB	Xây dựng cơ bản
HĐTC	Hoạt động tài chính
QLKD	Quản lý kinh doanh
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng***

DANH MỤC SƠ ĐỒ VÀ BẢNG BIỂU

- Sơ đồ 1.1 Trình tự hạch toán doanh thu BH&CCDV, doanh thu BH nội bộ.
- Sơ đồ 1.2 Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.
- Sơ đồ 1.3 Trình tự hạch toán GVHB theo phương pháp kê khai thường xuyên
- Sơ đồ 1.4 Trình tự hạch toán GVHB theo phương pháp kiểm kê định kỳ.
- Sơ đồ 1.5 Trình tự hạch toán chi phí bán hàng và chi phí QLDN.
- Sơ đồ 1.6 Trình tự hạch toán doanh thu HĐTC và chi phí tài chính
- Sơ đồ 1.7 Trình tự hạch toán thu nhập khác và chi phí khác.
- Sơ đồ 1.8 Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh.
- Sơ đồ 2.1 Mô hình bộ máy quản lý của doanh nghiệp.
- Sơ đồ 2.2 Mô hình bộ máy kế toán của doanh nghiệp.
- Sơ đồ 2.3 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức CTGS tại doanh nghiệp.
- Sơ đồ 2.4 Quy trình hạch toán doanh thu tại DNTN Mai Hưng
- Sơ đồ 2.5 Quy trình hạch toán giá vốn tại DNTN Mai Hưng
- Sơ đồ 2.6 Quy trình hạch toán chi phí quản lý KD tại DNTN Mai Hưng
- Sơ đồ 2.7 Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại DNTN Mai Hưng
- Sơ đồ 2.8 Quy trình hạch toán chi phí thuế TNDN tại DNTN Mai Hưng
- Sơ đồ 2.9 Quy trình hạch toán xác định KQKD tại DNTN Mai Hưng
- Biểu 2.1 Trích hóa đơn GTGT (liên 3)
- Biểu 2.2 Trích phiếu thu
- Biểu 2.3 Trích sổ chi tiết bán hàng
- Biểu 2.4 Trích chứng từ ghi sổ số 670
- Biểu 2.5 Trích sổ cái TK 511
- Biểu 2.6 Trích phiếu kế toán số 460
- Biểu 2.7 Trích chứng từ ghi sổ số 671
- Biểu 2.8 Trích sổ cái TK 632

***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại doanh nghiệp tư nhân Mai Hưng***

Biểu 2.9	Trích hóa đơn GTGT (liên 2)
Biểu 2.10	Trích phiếu chi
Biểu 2.11	Trích chứng từ ghi sổ số 686
Biểu 2.12	Trích sổ cái TK 642
Biểu 2.13	Trích giấy báo Có
Biểu 2.14	Trích chứng từ ghi sổ số 719
Biểu 2.15	Trích sổ cái TK 515
Biểu 2.16	Trích giấy báo Nợ
Biểu 2.17	Trích chứng từ ghi sổ số 699
Biểu 2.18	Trích sổ cái TK 635
Biểu 2.19	Trích chứng từ ghi sổ số 135
Biểu 2.20	Trích sổ cái TK 821
Biểu 2.21	Trích chứng từ ghi sổ số 720
Biểu 2.22	Trích chứng từ ghi sổ số 721
Biểu 2.23	Trích chứng từ ghi sổ số 722
Biểu 2.24	Trích chứng từ ghi sổ số 723
Biểu 2.25	Trích sổ cái TK 911
Biểu 2.26	Trích sổ cái TK 821
Biểu 2.27	Trích sổ cái TK 421
Biểu 2.28	Trích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010
Biểu 3.1	Mẫu sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
Biểu 3.2	Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
Biểu 3.3	Mẫu sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán)
Biểu 3.4	Sổ chi tiết thanh toán với người bán
Biểu 3.5	Sổ chi tiết thanh toán với người mua
Biểu 3.6	Mẫu bảng tổng hợp chi tiết thanh toán với người mua (người bán)